

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ
cho sinh viên đào tạo từ xa khóa 11**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-ĐHTM ngày 02/02/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Thông báo số 1770/TB-ĐHTM ngày 13/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ đại học hình thức đào tạo từ xa;

Căn cứ đơn xin công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của sinh viên;

Căn cứ kết luận tại Biên bản họp Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ ngày 04/9/2025;

Căn cứ Danh sách thí sinh trúng tuyển và nhập học Đại học đào tạo từ xa đợt 5 năm 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho 243 sinh viên đào tạo từ xa khóa 11 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị: Quản lý đào tạo, Kế hoạch Tài chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục; các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, QLĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÀO TẠO TỪ XA KHOÁ 11 ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Kèm theo Quyết định số 1765/QĐ-ĐHTM ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
1	Nguyễn Phương Liên	25T100292	K11ATX1HN	Trường Đại học Đại Nam										21	
					Những NLCBCN Mác - Lê Nin (Triết)	3		2	7,5	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,5		Tính điểm TB 2 HP
					Những NLCBCN Mác - Lê (KTCT-CD)	2		1	5,0						
					Đường lối cách mạng của Đảng	4		3	6,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,5		
					Pháp luật đại cương	3		2	6,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,5		
					Tiếng anh 2	5		4	8,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,5		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,5		
					Tiếng anh P3	5		4	6,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,5		
					Giải tích phần 1	4		3	5,5	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	5,5		
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản	4		3	7,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,0		
2	Nguyễn Diệu Linh	25T100294	K11ATX1HN	Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam										15	
					Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	4		3	6,3	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,3		
					Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2	3		2	8,3	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	8,3		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	5,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	5,0		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4		3	5,3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	5,3		
					Tiếng Anh 1	3		2	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
					Tiếng Anh 2	3		2	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng Anh 3	4		3	8,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
3	Nguyễn Văn Nhất Nam	25T100296	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Cao Thắng										9	
					Giáo dục chính trị 2	3		2	8,2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	8,2		
					Tiếng Anh 1	3		2	7,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,7		
					Tiếng Anh 2	3		2	6,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,9		
					Tiếng Anh 3	3		2	6,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,4		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Giáo dục thể chất 1	1		1	8,0	Giáo dục thể chất chung	TXGDTC1611	1	6,8		Tính điểm TB 2 HP
					Giáo dục thể chất 2	1			5,5						
4	Phạm Thị Vân	25T100317	K11ATX1HN	Trường Đại học Thương Mại										23	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2		3	3	7,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	5,9		Tính điểm TB 2 HP
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1		2	2	4,2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	5,9		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	6,1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	6,1		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	5,9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	5,9		
					Kỹ năng tiếng anh 1.1		2	2	6,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,2		
					Kỹ năng tiếng anh 1.2		2	2	5,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,7		
					Kỹ năng tiếng anh 1.3		2	2	6,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,1		
					Toán cao cấp 3.3		3	3	4,3	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	4,3		
					Tin học đại cương		3	3	6,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Tâm lý kinh doanh		2	2	7,4	Tâm lý quản trị kinh doanh	TXTMKT0211	2	7,4		
5	Bùi Đức Thịnh	25T100309	K11ATX1HN	Trường Đại học Giao thông Vận tải										17	
					Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa MLN F2	5		4	7,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,6		Tính điểm TB 2 HP
					Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa MLN F1	3		2	6,0	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	6,6		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	6,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	6,0		
					Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	4		3	6,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,0		
					Pháp luật đại cương	3		2	6,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,0		
					Giải tích 2	5		4	5,0	Toán đại cương		3	5,0		
					Tin học quản lý	4		3	6,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
6	Tổng Minh Tuấn	25T100316	K11ATX1HN	Trường Đại học FPT										35	
					Chính trị		4	4	9,7	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	9,7		
					Pháp luật		2	2	8,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	6,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,7		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,2		
					Tin học		3	3	7,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Nhập môn Marketing và bán hàng		3	3	8,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,4		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,7	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,7		
					Quản trị bán hàng		3	3	7,8	Quản trị bán hàng *	TXCEMG2622	3	7,8		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Quản trị dự án kinh doanh		3	3	7,7	Quản trị dự án	TXCEMG2711	3	7,7		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,6		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,3	Thực hành quảng cáo điện tử	TXeCOM2121	2	8,3		
					Luật kinh tế		3	3	6,8	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	6,8		
7	Ma Huy Dũng	25T100275	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Kinh Tế Công Nghệ Hà Nội										16	
					Chính trị		4	4	7,2	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	7,2		
					Pháp luật		2	2	8,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,3		
					Ngoại ngữ (anh văn)		6	6	8,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,2		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,2		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,2		
					Tin học		3	3	7,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
8	Nguyễn Thị Xoan	25T100319	K11ATX1HN	Trường Đại học FPT										29	
					Chính trị		4	4	9,3	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	9,3		
					Pháp luật		2	2	7,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,2		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,2		
					Tiếng anh 1.2		3	3	6,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,9		
					Tiếng anh 2.1		3	3	9,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,3		
					Tin học		3	3	7,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,8	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,8		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,3	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,3		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,5		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,9	Thực hành quảng cáo điện tử	TXeCOM2121	2	7,9		
9	Lê Bá Nhật	25T100299	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										16	
					Giáo dục chính trị		3	3	7,8	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	7,8		
					Pháp luật		2	2	7,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,2		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	7,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,1		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	8,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,3		
					Tiếng Anh chuyên ngành		2	2	8,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,9		
					Tin học		3	3	6,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Giáo dục thể chất				7,8	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,8		
10	Đỗ Thị Thúy	25T100311	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Nghề Công Nghệ Cao Hà Nội										22	
					Kinh tế chính trị		2	2	7,6	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	7,6		
					Tiếng Anh 1		4	4	8,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,6		
					Tiếng Anh 2		4	4	7,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,8		
					Tiếng Anh 3		4	4	7,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,6		
					Giáo dục thể chất				6,5	Cờ vua	TXGDTC0921	2	6,5		
					Kinh tế vĩ mô		2	2	7,4	Kinh tế học	TXMIEC0821	3	6,4	Tích điểm TB 2 HP	
					Kinh tế vi mô		2	2	5,4						
					Lý thuyết kế toán		4	4	6,6	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	6,6		
					Thị trường chứng khoán		3	3	6,0	Thị trường chứng khoán	TXBKSC2311	3	6,0		
					Kế toán quản trị		3	3	7,8	Kế toán quản trị doanh nghiệp	TXFACC0331	3	7,8		
11	Tổng Quang Hồ	25T100286	K11ATX1HN	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội										25	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin		5	5	5,5	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	5,5		
										Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	5,5		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	6,3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	6,3		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	6,2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,2		
					Pháp luật đại cương		2	2	7,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,8		
					Tiếng Anh 1		6	6	7,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,7		
					Tiếng Anh 2		6	6	6,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,8		
					Tiếng anh chuyên ngành		3	3	7,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,3		
					Toán cao cấp 1		3	3	7,2	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	7,2		
					Tin học văn phòng		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất 1		2	2	7,5	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,5		
12	Ninh Tuấn Phương	25T100301	K11ATX1HN	Trường Đại học FPT										29	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,1		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng anh 2.1		3	3	8,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,9		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Marketing căn bản		3	3	8,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,3		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,9	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,9		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,1		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,2		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,0	Thực hành quảng cáo điện tử	TXeCOM2121	2	8,0		
														27	
13	Bùi Quang Duy	25T100280	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC											
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	9,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,5		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,6		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,6		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,1		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - Vo vinam		2	2	9,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	9,0		
					Marketing căn bản		3	3	8,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,2		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,3	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,3		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,9		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,7		
														27	
14	Đặng Văn Thịnh	25T100310	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic											
					Chính trị		4	4	9,5	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	9,5		
					Pháp luật		2	2	7,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,7		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	7,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,6		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,3		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
					Tin học		3	3	9,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	6,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,7	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,7		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,3		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,6		
														23	
15	Lê Hoàng Tuấn	25T100315	K11ATX1HN	Trường Đại học Thủy Lợi											
					Triết học Mác - Lê Nin		3	3	7,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	7,0		
					Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin		2	2	6,4	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	6,4		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,4		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	5,7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	5,7		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	6,9	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	6,9		
					Pháp luật đại cương		2	2	6,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,7		
					Tiếng Anh 1		3	3	8,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,6		
					Tiếng Anh 2		3	3	6,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,7		
					Giải tích hàm một biến		3	3	5,1	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	5,1		
					Tin học đại cương		3	3	5,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
16	Trần Thanh Bình	25T100267	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										29	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	7,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,3		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,8		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	8,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,4		
					Tin học		3	3	8,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDT0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	8,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,2	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,2		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,3		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,7		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,8	Thực hành quảng cáo điện tử	TXeCOM2121	2	7,8		
17	Đỗ Thị Quyên	25T100303	K11ATX1HN	Học viện nông nghiệp Việt Nam										20	
					Những nguyên lý cơ bản của CN mác lê nin 2		3	3	7,8	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,8	Tích điểm TB 2 HP	
					Những nguyên lý cơ bản của CN mác lê nin 1		2	2	5,4	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	6,8		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,7		
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3	6,1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,1		
					Pháp luật đại cương		2	2	5,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,4		
					Tiếng anh 0		2	2	6,3	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,3		
					Tiếng anh 1		2	2	6,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,2		
					Tiếng anh 3		2	2	10,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	10,0		
					Toán cao cấp		3	3	4,3	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	4,3		
18	Ngô Ngọc Linh	25T100293	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội										17	

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Chính trị		4	4	7,6	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	7,6		
					Pháp luật		2	2	7,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,7		
					Tiếng Anh 1		3	3	8,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,5		
					Tiếng Anh 2		3	3	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tin học		3	3	8,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Quản trị học		3	3	8,1	Quản trị học	TXBMGM0111	3	8,1		
														17	
19	Nguyễn Hồng Sơn	25T100307	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Phát thanh Truyền hình I											
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin	8		>5	6,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,0		
										Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	6,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	6,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	6,0		
					Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	4		3	6,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	6,0		
					Tiếng anh cơ bản	4		3	6,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,0		
					Tiếng anh chuyên ngành 1	3		2	7,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Tiếng anh chuyên ngành 2	3		2	5,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,0		
					Giáo dục thể chất					Cờ vua	TXGDTC0921	2			
														18	
20	Trần Thế Phú	25T100300	K11ATX1HN	Trường Đại học FPT											
					Chính trị		4	4	9,8	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	9,8		
					Pháp luật		2	2	7,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,5		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,4		
					Tiếng anh 1.2		3	3	6,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,6		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Tin học		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,7		
														29	
21	Nguyễn Tùng Dương	25T100279	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic											
					Chính trị		4	4	8,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	8,0		
					Pháp luật		2	2	8,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,3		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,1		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,1		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,7		
					Tin học		3	3	9,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,3	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,3		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,3	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,3		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,1	Thực hành quảng cáo điện tử	TXeCOM2121	2	8,1		
22	Nguyễn Đức Anh	25T100263	K11ATX1HN	Trường Đại học Thương Mại										19	
					Triết học Mác - Lê Nin		3	3	4,3	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	4,3		
					Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin		2	2	7,7	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	7,7		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	4,4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	4,4		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	7,1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,1		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	7,3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	7,3		
					Pháp luật đại cương		2	2	5,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,8		
					Quản trị học		3	3	7,3	Quản trị học	TXBMGM0111	3	7,3		
					Quản trị dịch vụ		3	3	6,1	Quản trị dịch vụ	TXTEMG2911	3	6,1		
23	Nghiêm Xuân Hoàn	25T100287	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định										29	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin		5	5	5,9	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	5,9		
										Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	5,9		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	4,5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	4,5		
					Pháp luật đại cương		2	2	5,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,8		
					Anh văn 1		4	4	5,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,8		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,8		
					Anh văn 2		2	2	6,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,1		
					Toán cấp cấp		3	3	6,7	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	6,7		
					Nhập môn tin học		3	3	5,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		3	3	5,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	5,0		
					Kinh tế vi mô		3	3	6,0	Kinh tế học	TXMIEC0821	3	5,6		Tính điểm TB 2 HP
					Kinh tế vĩ mô		2	2	5,0						
					Nguyên lý kế toán		3	3	6,6	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	6,6		
24	Nguyễn Duy Anh	25T100264	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách khoa Hà Nội										50	
					Giáo dục chính trị		4	4	6,5	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,5		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Pháp luật		2	2	6,9	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,9		
					Tiếng Anh		5	5	6,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,9		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,9		
					Tiếng Anh chuyên ngành 1		3	3	6,8	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,8		
					Tin học		3	3	6,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,2	Cờ vua	TXGDT0921	2	8,2		
					Kinh tế vi mô		3	3	6,9	Kinh tế học	TXMIEC0821	3	6,9		Tính điểm TB 2 HP
					Kinh tế vĩ mô		3	3	6,9						
					Nguyên lý quản trị		3	3	8,5	Quản trị học	TXBMGM0111	3	8,5		
					Marketing căn bản		3	3	5,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	5,4		
					Nguyên lý thống kê		3	3	7,4	Nguyên lý thống kê	TXANST0211	3	7,4		
					Nguyên lý kế toán		3	3	6,7	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	6,7		
					Quản trị nhân lực		3	3	6,6	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	6,6		
					Quản trị tài chính		3	3	7,2	Quản trị tài chính 1	TXFMGM0231	3	7,2		
					Quản trị dự án		3	3	6,6	Quản trị dự án	TXCEMG2711	3	6,6		
					Khởi sự kinh doanh		4	4	8,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,8		
					Đạo đức và văn hóa kinh doanh		3	3	8,0	Văn hóa kinh doanh	TXBMGM1221	2	8,0		
					Quản trị chất lượng		3	3	7,1	Quản trị chất lượng	TXQMGM0911	3	7,1		
					Pháp luật kinh tế		3	3	6,7	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	6,7		
														27	
25	Bạch Lan Hương	25T100289	K11ATX1HN	Trường Đại học FPT											
					Chính trị		4	4	9,7	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	9,7		
					Pháp luật		2	2	8,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,5		
					Tiếng anh 1.1		3	3	7,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,4		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	6,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,2		
					Tin học		3	3	9,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDT0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,9	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,9		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,6	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,6		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,3		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,6		
26	Nguyễn Quỳnh Chi	25T100269	K11ATX1HN	Trường Đại học Quốc gia Hà Nội										23	
					Những NLCB của CN Mác Lênin 2		3	3	8,5	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	7,7		Tích điểm TB 2 HP
					Những NLCB của CN Mác Lênin 1		2	2	6,4	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	7,7		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	8,3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	8,3		
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3	7,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,5		
					Tiếng Anh 1A		4	4	9,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,0		
					Tiếng Anh 2A		4	4	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng Anh 3B		4	4	8,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,5		
					Toán cao cấp		4	4	8,4	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	8,4		
					Tin học cơ sở 2		3	3	8,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	8,7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	8,7		
27	Lãnh Công Vinh	25T100318	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Kinh Tế Công Nghiệp Hà Nội										39	
					Giáo dục chính trị		4	4	7,9	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	7,9		
					Pháp luật (CĐ)		2	2	6,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,8		
					Tiếng anh	6	6	8,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,1			
									Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,1			
									Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,1			
					Tin học văn phòng		3	3	7,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0		
					Kinh tế học		3	3	6,9	Kinh tế học	TXMIEC0821	3	6,9		
					Quản trị doanh nghiệp		3	3	6,9	Quản trị học	TXBMGM0111	3	6,9		
					Tâm lý kinh doanh		2	2	6,6	Tâm lý quản trị kinh doanh	TXTMKT0211	2	6,6		
					Quản trị chiến lược		4	4	8,1	Quản trị chiến lược *	TXSMGM1411	3	8,1		
					Quản trị dự án đầu tư		3	3	5,2	Quản trị dự án	TXCEMG2711	3	5,2		
					Quản trị thương hiệu		3	3	6,8	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	6,8		
					Quản trị chất lượng		3	3	7,4	Quản trị chất lượng	TXQMGM0911	3	7,4		
					Quản trị Marketing		3	3	8,0	Quản trị Marketing 1	TXMAGM0411	3	8,0		
28	Tạ Thị Kiều Trang	25T100313	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du Lịch Hà Nội										29	
					Giáo dục chính trị		3	3	6,7	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,7		
					Pháp luật		2	2	8,9	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,9		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	8,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,8		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	9,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,0		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	8,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,5		
					Tin học		3	3	6,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				6,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	6,0		
					Thương mại điện tử		3	3	9,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,1		
					Quản trị nguồn nhân lực		3	3	7,8	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	7,8		
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	8,9	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,9		
					Văn hóa doanh nghiệp		2	2	8,0	Văn hóa kinh doanh	TXBMGM1221	2	8,0		
					Quản trị Marketing		3	3	7,9	Quản trị Marketing 1	TXMAGM0411	3	7,9		
29	Giảng A Chữ	25T100270	K11ATX1HN	Trường Đại học FPT										20	
					Chính trị		5	5	9,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	9,0		
										Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	9,0		
					Pháp luật		2	2	8,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,2		
					Tiếng anh 1.1		3	3	6,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,0		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,6		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,1		
					Tin học cơ sở		3	3	8,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,7		
30	Lê Chí Đức	25T100272	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Nghề Bách khoa Hà Nội										21	
					Chính trị		6	6	7,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	7,0		
										Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	7,0		
					Pháp luật		2	2	8,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,0		
					Anh văn 1		4	4	7,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,0		
					Anh văn 2		4	4	5,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,0		
					Anh văn chuyên ngành		2	2	5,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,0		
					Toán cao cấp		3	3	6,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	6,0		
					Tin học căn bản		3	3	9,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
31	Thạch Văn Trung	25T100314	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Nghề Bách khoa Hà Nội										21	
					Chính trị		6	6	8,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	8,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
										Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	8,0		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Anh văn 1		4	4	6,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,0		
					Anh văn 2		4	4	6,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,0		
					Anh văn chuyên ngành		2	2	8,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
					Toán cao cấp		3	3	7,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	7,0		
					Tin học căn bản		3	3	5,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
32	Hoàng Thanh Hằng	25T100284	K11ATX1HN	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội										22	
					Những NLCB của CN Mác Lênin (HP2)		3	3	7,4	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,3		Tính điểm TB 2 HP
					Những NLCB của CN Mác Lênin (HP1)		2	2	4,6	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	6,3		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	8,3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	8,3		
					Đường lối CM đảng CS Việt Nam		3	3	7,4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,4		
					Nhà nước và pháp luật đại cương		2	2	6,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,4		
					Tiếng anh cơ bản HP1		3	3	4,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	4,8		
					Tiếng anh cơ bản HP2		4	4	6,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,1		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,1		
					Tin học đại cương		3	3	5,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	8,6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	8,6		
33	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	25T100304	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										21	
					Giáo dục chính trị		3	3	8,6	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	8,6		
					Pháp luật		2	2	8,6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,6		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	9,3	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,3		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	9,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,7		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	8,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,3		
					Tin học		3	3	7,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				7,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,4	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,4		
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	8,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,0		
34	Đào Phương Dung	25T100274	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Sư Phạm Hà Nội										20	
					Những NLCB của CN Mác Lênin 2		3	3	5,7	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	5,7		Tính điểm TB 2 HP
					Những NLCB của CN Mác Lênin 1		2	2	5,6	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	5,7		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	6,4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	6,4		
					Đường lối CM đảng CS Việt Nam		3	3	8,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	8,5		
					Anh văn 1		3	3	6,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,4		
					Anh văn 2		2	2	6,4	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,4		
					Anh văn 3		2	2	7,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,4		
					Tin học đại cương		3	3	5,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
														25	
35	Phạm Đức Gia	25T100282	K11ATX1HN	Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội											
					Triết học Mác - Lê Nin	5		4	6,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,0		
					Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	4		3	5,0	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	5,0		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3		2	6,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	3		2	7,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	7,0		
					Pháp luật đại cương	3		2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tiếng anh không chuyên ngữ 1	4		3	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
					Tiếng anh không chuyên ngữ 2	4		3	6,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,0		
					Tiếng Anh chuyên ngành 1	4		3	8,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
					Toán cao cấp A1	4		3	6,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	6,0		
					Nhập môn tin học	5		4	7,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất	3		2	8,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0		
														29	
36	Nguyễn Hữu Đức	25T100273	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic											
					Chính trị		4	4	8,3	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	8,3		
					Pháp luật		2	2	8,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	6,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,1		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,3		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,1		
					Tin học		3	3	7,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất-vovinam		2	2	7,8	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,8		
					Marketing căn bản		3	3	7,6	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,6		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,6	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,6		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	5,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	5,3		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,0		
					Marketing mạng xã hội		3	3	5,8	Thực hành quảng cáo điện tử	TXeCOM2121	2	5,8		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
37	Bùi Hải Dương	25T100278	K11ATX1HN	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội										17	
					Những NLCB của CN Mác Lênin II		3	3	D	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	D		Tính điểm TB 2 HP
					Những NLCB của CN Mác Lênin I		2	2	D+	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	D		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	D+	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM01011	2	D+		
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3	C	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM01031	2	C		
					Pháp luật đại cương		2	2	C+	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	C+		
					Giải tích III		3	3	C	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	C		
					Tin học đại cương		4	4	D+	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
38	Nguyễn Tiến Dũng	25T100276	K11ATX1HN	Trường Đại học FPT										30	
					Kinh tế chính trị		2	2	6,3	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	6,3		
					Pháp luật		2	2	7,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,5		
					Tiếng anh 1.1		2	2	6,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,6		
					Tiếng anh 1.2		2	2	5,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,9		
					Tiếng anh 2		4	4	6,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,9		
					Tin học cơ sở		3	3	8,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDT0921	2	Đạt		
					Kinh tế vi mô + vĩ mô		3	3	6,9	Kinh tế học	TXMIEC0821	3	6,9		
					Nhập môn quản trị doanh nghiệp		3	3	6,7	Quản trị học	TXBMGM0111	3	6,7		
					Thống kê		3	3	6,8	Nguyên lý thống kê	TXANST0211	3	6,8		
					Nguyên lý kế toán		3	3	8,2	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	8,2		
					Kế toán quản trị		3	3	5,5	Kế toán quản trị doanh nghiệp	TXFACC0331	3	5,5		
39	Trịnh Thị Ngọc Hân	25T100283	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính Thái Nguyên										31	
					Triết học	4		3	6,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	6,0		
					Kinh tế chính trị	6		>2	6,0	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	6,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	6,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM01011	2	6,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	3		2	6,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM01021	2	6,0		
					Pháp luật đại cương	3		2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Anh văn 1	5		4	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Anh văn 2	5		4	10,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	10,0		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	10,0		
					Toán cao cấp	4		3	5,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	5,0		
					Tin học đại cương	4		3	7,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa					Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Điểm		
						Số ĐV HT	Số TC								
					Giáo dục thể chất	4		3	7,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,0		
					Nguyên lý kế toán	4		3	7,0	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	7,0		
					Kế toán quản trị	4		3	8,0	Kế toán quản trị doanh nghiệp	TXFACC0331	3	8,0		
40	Nguyễn Viết Cảnh	25T100268	K11ATX1HN	Trường Cao đẳng Công nghệ Việt-Hàn										12	
					Giáo dục chính trị	5		4	7,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	7,0		
					Ngoại ngữ (anh văn) 1	4		3	6,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,2		
					Ngoại ngữ (anh văn) 2	4		3	5,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,3		
					Tin học	5		4	6,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
41	Nguyễn Thị Nga	25T100297	K11ATX1HN	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp										15	
					Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mac-lênin 2	4		3	7,0	Triết học Mác - Lê Nin	TXMLNP0221	3	7,0		Tính điểm TB 2 HP
					Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mac-lênin 1	3		2	7,0	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	TXRLCP1211	2	7,0		
					Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	3		2	7,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,0		
					Anh văn 2	4		3	7,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,0		
					Anh văn 3	4		3	7,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Anh văn 4	4		3	7,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,0		
					Giáo dục thể chất					Cờ vua	TXGDTC0921	2			

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG


GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÀO TẠO TỪ XA KHOÁ 11 ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ
NGÀNH: MARKETING**

(Kèm theo Quyết định số 1765 /QĐ-ĐHTM ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
1	Nguyễn Thanh Tùng	25T120318	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thương Mại										16	
					Giáo dục chính trị		4	4	7,2	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,2		
					Pháp luật		2	2	6,6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,6		
					Tiếng anh		6	6	5,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,4		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,4		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,4		
					Tin học		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
2	Trần Thị Thu Phương	25T120296	K11CTX1HN	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn										16	
					Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2		3	3	5,5	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,8		Tính điểm TB 2 HP
					Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1		2	2	6,3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	5,8		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	6,7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	6,7		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	7,7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,7		
					Nhà nước và pháp luật đại cương		2	2	7,6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,6		
					Tin học cơ sở		3	3	7,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Các phương pháp nghiên cứu khoa học		3	3	7,4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	7,4		
3	Nguyễn Thị Thanh Lam	25T120278	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Kinh Tế Công Nghiệp Hà Nội										25	
					Giáo dục chính trị		4	4	8,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Pháp luật		2	2	8,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,1		
					Tiếng anh		6	6	9,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,0		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,0		
					Tin học văn phòng		3	3	9,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	7,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,0		
					Quản trị marketing		3	3	7,6	Quản trị marketing 1	TXMAGM0411	3	7,6		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	8,6	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,6		
					Quản trị thương hiệu		3	3	9,0	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	9,0		
4	Nguyễn Thảo Hương	25T120273	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Ngoại Ngữ và Công Nghệ Hà Nội										25	

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CDT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Giáo dục chính trị		4	4	8,3	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,3		
					Pháp luật		2	2	5,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,2		
					Tiếng anh		5	5	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tin học		3	3	8,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	6,9	Cờ vua	TXGDTC0921	2	6,9		
					Marketing căn bản		3	3	6,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,1		
					Thương mại điện tử căn bản		3	3	8,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,3		
					Pháp luật thương mại điện tử		3	3	6,6	Luật thương mại điện tử	TXPLAW1411	2	6,6		
					Marketing điện tử và bán hàng trực tuyến		4	4	7,0	Marketing thương mại điện tử	TXSMGM0511	3	7,0		
5	Bùi Thị Nhã	25T120291	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Ngoại Ngữ và Công Nghệ Hà Nội										25	
					Giáo dục chính trị		4	4	8,4	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,4		
					Pháp luật		2	2	6,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,7		
					Tiếng anh		5	5	7,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,2		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,2		
					Tin học		3	3	9,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,8	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,8		
					Marketing căn bản		3	3	8,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,0		
					Thương mại điện tử căn bản		3	3	9,2	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,2		
					Pháp luật thương mại điện tử		3	3	8,2	Luật thương mại điện tử	TXPLAW1411	2	8,2		
					Marketing điện tử và bán hàng trực tuyến		4	4	8,3	Marketing thương mại điện tử	TXSMGM0511	3	8,3		
6	Ngô Thị Uyên Huyền	25T120275	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										18	
					Chính trị		4	4	9,3	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,3		
					Pháp luật		2	2	7,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	9,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,2		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,4		
					Tin học		3	3	9,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,1		
7	Vũ Thị Ngọc Thi	25T120306	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										14	
					Giáo dục chính trị		3	3	7,1	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,1		
					Pháp luật		2	2	7,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,1		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	8,3	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,3		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	9,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,2		
					Tin học		3	3	8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
8	Đỗ Hữu Huy	25T120274	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	9,2	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,2		
					Pháp luật		2	2	6,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,7		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,9		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,7		
					Tin học		3	3	9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	8,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,1		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	5,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,8		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,7	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,7		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,0		
9	Hoàng Thị Phương Hoa	25T120268	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Việt Nam										14	
					Giáo dục chính trị	75 giờ		4	7,6	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,6		
										Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,5		
					Tiếng anh	120 giờ		>4	7,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,5		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,5		
					Tin học	75 giờ		4	5,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất	60 giờ		3	6	Cờ vua	TXGDTC0921	2	6,0		
10	Nguyễn Đức Nam	25T120286	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	9,4	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,4		
					Pháp luật		2	2	6,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,7		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,5		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	6,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,9		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Tin học		3	3	7,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,4		
					Marketing căn bản		3	3	7,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,2		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,0		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,1	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,1		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,4	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,4		
11	Uông Văn Sơn	25T120298	K11CTX1HN	Trường Đại học FPT										33	
					Chính trị		4	4	9	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Pháp luật		2	2	7,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	5,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,5		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	6,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,6		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	5,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,7		
					Tin học		3	3	6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Nhập môn marketing và bán hàng		3	3	6,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,3		
					Luật kinh tế		3	3	6,6	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	6,6		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,1	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,1		
					Nghiên cứu marketing		3	3	6,4	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	6,4		
					Quản trị bán hàng		3	3	6,8	Quản trị bán hàng	TXCEMG2621	3	6,8		
12	Trịnh Thị Quỳnh Nga	25T120290	K11CTX1HN	Trường Đại học FPT										33	
					Chính trị		4	4	9,2	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,2		
					Pháp luật		2	2	9,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,5		
					Tiếng anh 1.1		3	3	10	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Tiếng anh 1.2		3	3	10	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	10,0		
					Tiếng anh 2.1		3	3	9,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,2		
					Tin học		3	3	10	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	8,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,4		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,1		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,9	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,9		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,5	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,5		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,5	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,5		
13	Lê Đức Thắng	25T120301	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	8,3	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,3		
					Pháp luật		2	2	6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,6		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,9		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,7		
					Tin học		3	3	8,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - VOvinam		2	2	8	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0		
					Marketing căn bản		3	3	7,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,2		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Hành vi khách hàng		3	3	7,7	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,7		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,3	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,3		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,5	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,5		
														36	
14	Nguyễn Phương Nam	25T120287	K11CTXIHN	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội											
					Chính trị		4	4	6,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,8		
					Pháp luật		2	2	5,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,2		
					Tiếng anh		6	6	5,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,5		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,5		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,5		
					Tin học		3	3	7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDT0921	2	Đạt		
					Quản trị học		3	3	6,9	Quản trị học	TXBMGM0111	3	6,9		
					Marketing căn bản		3	3	6,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,2		
					Khởi sự doanh nghiệp		4	4	8,3	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,3		
					Consumer Behavior		3	3	5,7	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	5,7		
					Marketing Research & Planning		3	3	6,2	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	6,2		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	8,4	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,4		
					Quản trị thương hiệu		3	3	8,5	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	8,5		
														24	
15	Lương Ngọc Biển	25T120254	K11CTXIHN	Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội											
					Triết học Mác – Lênin		3	3	C+	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	C+		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	C	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	C		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	D+	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	D+		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	C+	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	C+		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	D	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	D		
					Pháp luật đại cương		2	2	B	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	B		
					Tiếng Anh công nghệ ô tô 1		5	5	C	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	C		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	C		
					Tiếng Anh công nghệ ô tô 2		5	5	C+	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	C+		
					Đại số tuyến tính		3	3	A	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	A		
					Nhập môn nghiên cứu khoa học		2	2	C	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	C		
														27	
16	Vũ Thị Ngọc Trang	25T120314	K11CTXIHN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic											
					Chính trị		4	4	9,7	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,7		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,7		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,8		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,6		
					Tin học		3	3	9,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CDT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Giáo dục thể chất		2	2	9,2	Cờ vua	TXGDTC0921	2	9,2		
					Marketing căn bản		3	3	8,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,8		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	8,9	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,9		
					Xây dựng và phát triển thương hiệu		3	3	8,1	Quản trị thương hiệu I	TXBRMG2011	3	8,1		
17	Nguyễn Thị Vân Anh	25T120249	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	9,5	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,5		
					Pháp luật		2	2	7,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,1		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,3	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,3		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,9		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,5		
					Tin học		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	6,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,5		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,7		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,3	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,3		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,9	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,9		
					Nghiên cứu marketing		3	3	8,4	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	8,4		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	8,5	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,5		
18	Nguyễn Văn Tâm	25T120299	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	9,5	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,5		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	7,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,7		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,1		
					Tin học		3	3	8,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	8,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,1		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,9		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,5		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,5		
					Nghiên cứu marketing		3	3	6,5	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	6,5		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	9,0	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	9,0		
19	Bùi Nhất Triều	25T120315	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										18	
					Chính trị		4	4	9,7	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,7		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	7,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,7		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tiếng Anh 1.2		3	3	6,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,9		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,3		
					Tin học		3	3	8,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,3	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,3		
														37	
20	Trần Thị Sương Thu	25T120308	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội											
					Chính trị		4	4	7,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,8		
					Pháp luật		2	2	8,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,4		
					Tiếng Anh 1		3	3	8,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,8		
					Tiếng Anh 2		3	3	8,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,5		
					Tin học		3	3	7,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Kinh tế vi mô		3	3	8,0	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	8,0		
					Quản trị học		3	3	8,0	Quản trị học	TXBMGM0111	3	8,0		
					Marketing căn bản		3	3	8,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,3		
					Khởi sự doanh nghiệp		4	4	9,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,5		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,1	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,1		
					Quản trị thương hiệu		3	3	7,9	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	7,9		
					Nguyên lý kế toán		3	3	6,0	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	6,0		
														16	
21	Ngô Thị Hiền	25T120266	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Quốc Tế Hà Nội											
					Chính trị		4	4	7,5	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,5		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tiếng anh		6	6	7,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,6		
				Tiếng Anh 2		TXENTH1511				2	7,6				
				Tiếng Anh 3		TXENTH1611				2	7,6				
					Tin học		3	3	8,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0		
														33	
22	Ngô Thị Khánh Ly	25T120282	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic											
					Chính trị		4	4	9,3	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,3		
					Pháp luật		2	2	8,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,5		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,4		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	9,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,2		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,2		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,6	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,6		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	6,2	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,2		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,0	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,0		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,2	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,2		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,4	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,4		
23	Phạm Thị Thu Hằng	25T120265	K11CTX1HN	Trường Đại học Hà Nội										20	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1		2	2	5,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,8		Tính điểm TB 2 HP
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2		3	3	5,9	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	5,8		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,4		
					Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam		3	3	6,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,5		
					Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học		2	2	8,6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	8,6		
					Nhập môn Kinh tế vĩ mô		4	4	8,7	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	8,7		
					Nhập môn Kinh tế vi mô		4	4	7,5	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	7,5		
					Marketing quốc tế		3	3	9,7	Marketing quốc tế	TXMAGM0211	3	9,7		
24	Chu Thanh Tùng	25T120317	K11CTX1HN	Trường Đại học FPT										33	
					Chính trị		4	4	9,7	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,7		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,1		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,7		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,2		
					Tin học		2	2	9,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,9	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,9		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,1		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,1	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,1		
					Nghiên cứu marketing		3	3	6,0	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	6,0		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,1	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,1		
25	Lê Thị Phương Anh	25T120242	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	8,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Pháp luật		2	2	6,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,9		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,9		
					Tin học		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,1		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,9		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	6,3	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	6,3		
					Hành vi khách hàng		3	3	6,6	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	6,6		
					Nghiên cứu marketing		3	3	6,7	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	6,7		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	8,3	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,3		
														33	
26	Trần Việt Hà	25T120263	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic			4	4	8,9	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,9		
					Chính trị		2	2	7,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,8		
					Pháp luật		3	3	7,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	6,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,8		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,1		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Tin học		2	2	8,2	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,2		
					Giáo dục thể chất		3	3	7,8	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,8		
					Marketing căn bản		3	3	7,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,9		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,3	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,3		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,4	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,4		
					Hành vi khách hàng		3	3	6,7	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	6,7		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,8	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,8		
					Truyền thông marketing tích hợp									33	
27	Đỗ Thị Nhu	25T120293	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic			4	4	8,7	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,7		
					Chính trị		2	2	9,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,8		
					Pháp luật		3	3	9,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,7		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	9,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	9,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Tin học		2	2	8,2	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,2		
					Giáo dục thể chất		3	3	8,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,4		
					Nhập môn marketing và bán hàng		3	3	8,0	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	8,0		
					Luật kinh tế		3	3	9,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,4	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,4		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,4	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	8,4		
					Nghiên cứu marketing		3	3	8,8	Quản trị bán hàng	TXCEMG2621	3	8,8		
					Quản trị bán hàng									19	
28	Nguyễn Đức Anh	25T120244	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội			4	4	7,4	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,4		
					Chính trị		2	2	8,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,0		
					Pháp luật		2	2	9,3	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,3		
					Phát âm và giao tiếp tiếng anh										

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tiếng Anh 1		3	3	7,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,9		
					Tiếng Anh 2		3	3	7,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,2		
					Tin học		3	3	7,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Quản trị học		3	3	8,8	Quản trị học	TXBMGM0111	3	8,8		
29	Nguyễn Thị Ngọc Hân	25T120264	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội										18	
					Chính trị		5	5	7,6	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,6		
										Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	7,6		
					Pháp luật		2	2	6,6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,6		
					Tiếng Anh		6	6	8,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,4		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,4		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,4		
					Tin học		3	3	6,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	7,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,0		
30	Lê Văn Kiên	25T120276	K11CTX1HN	Trường Đại học Mở Hà Nội										37	
					Triết học	5		4	6,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,0		
					Chủ nghĩa XHKH	4		3	8,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM010121	2	8,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	6,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM010111	2	6,0		
					Kinh tế chính trị	5		4	6,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	6,0		
					Lịch sử Đảng	4		3	5,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM010131	2	5,0		
					Luật đại cương	3		2	6,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,0		
					Tiếng anh CB 1	10		>2	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng anh CB 2	10		>4	6,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,0		
					Toán cao cấp 1	5		4	6,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	6,0		
					Tin đại cương	4		3	7,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế vĩ mô	4		3	5,0	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	5,0		
					Kinh tế vi mô	4		3	6,0	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	6,0		
					Marketing	4		3	8,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,0		
					Lý thuyết tài chính – tiền tệ	4		3	6,0	Nhập môn tài chính – tiền tệ	TXEFIN2811	3	6,0		
31	Ngô Triều Cường	25T120257	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội										25	
					Giáo dục chính trị		4	4	7,2	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,2		
					Pháp luật		2	2	8,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,1		
					Tiếng anh		6	6	6,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,9		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,9		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,9		
					Tin học		3	3	7,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Giáo dục thể chất		2	2	8,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0		
					Quản trị marketing		3	3	7,7	Quản trị marketing 1	TXMAGM0411	3	7,7		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,4	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,4		
					Quản trị thương hiệu		3	3	7,4	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	7,4		
32	Ninh Thị Mai Lan	25T120280	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	9,2	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,2		
					Pháp luật		2	2	8,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,3		
					Tiếng anh 1.1		3	3	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,9		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,4		
					Tin học		3	3	6,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - Vovinam		2	2	7,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,0		
					Marketing căn bản		3	3	7,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,4		
					Tổng quan Thương mại điện tử		3	3	7,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,7		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,5		
					Hành vi khách hàng		3	3	6,8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	6,8		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,5	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,5		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,7	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,7		
33	Trần Thị Việt Nga	25T120289	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	9,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,4		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,7		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,0		
					Tin học		3	3	8,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0		
					Marketing căn bản		3	3	8,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,0		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,1	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,1		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,5	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,5		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,7	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,7		
34	Lê Hoàng Nam	25T120285	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										27	
					Chính trị		4	4	8,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,8		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,1		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Tin học		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - vovinam		2	2	8,1	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,1		
					Marketing căn bản		3	3	7,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,7		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,7	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,7		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,2	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,2		
35	Nguyễn Hiền Anh	25T120246	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội										39	
					Chính trị		4	4	8,4	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,4		
					Pháp luật		2	2	8,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,7		
					Tiếng Anh 1		3	3	7,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,6		
					Tiếng Anh 2		3	3	8,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,1		
					Tiếng Anh chuyên ngành		3	3	8,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,3		
					Tin học		3	3	9,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Kinh tế vi mô		3	3	8,4	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	8,4		
					Quản trị học		3	3	7,1	Quản trị học	TXBMGM0111	3	7,1		
					Marketing căn bản		3	3	8,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,1		
					Khởi sự doanh nghiệp		4	4	8,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,2	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,2		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,9	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,9		
					Quản trị thương hiệu		3	3	6,1	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	6,1		
					Nguyên lý kế toán		3	3	9	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	9,0		
36	Trần Hoài Anh	25T120250	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										33	
					Chính trị		4	4	9,2	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,2		
					Pháp luật		2	2	9,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,3		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,9		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,1		
					Tiếng anh 2.1		3	3	8,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,1		
					Tin học		3	3	5,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	7,1	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,1		
					Marketing căn bản		3	3	7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,0		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,5		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,9	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,9		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,8	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,8		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,8	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,8		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm	Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Điểm		
						Số ĐV HT								
													19	
37	Trần Thanh Thảo	25T120305	K11CTXIHN	Trường Cao đẳng Công thương Hà Nội										
					Giáo dục chính trị		4	4	8,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,0	
					Pháp luật		2	2	6,9	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,9	
					Tiếng anh		6	6	7,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,7	
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,7	
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,7	
					Tin học		3	3	7,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3		
					Giáo dục thể chất		2	2	9,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	9,0	
					Nguyên lý kế toán		3	3	5,8	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	5,8	
														21
38	Trần Hiệp Quốc	25T120297	K11CTXIHN	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										
					Giáo dục chính trị		3	3	6,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,8	
					Pháp luật		2	2	6,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,7	
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	6,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,5	
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	6,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,8	
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	8,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,2	
					Tin học		3	3	5,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3		
					Giáo dục thể chất				8,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0	
					Thương mại điện tử		3	3	7,4	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,4	
					Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		2	2	8,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,2	
														16
39	Nguyễn Phương Anh	25T120248	K11CTXIHN	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội										
					Chính trị		4	4	6,9	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,9	
					Pháp luật		2	2	6,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,4	
					Tiếng anh		6	6	5,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,7	
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,7	
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,7	
					Tin học		3	3	6,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3		
					Giáo dục thể chất		2	2	7,7	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,7	
														22
40	Nguyễn Thị Minh Thảo	25T120303	K11CTXIHN	Trường Đại học Dược Hà Nội										
					Triết học Mác – Lênin		3	3	6,1	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,1	
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	5,7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	5,7	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	6,3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	6,3	
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	7,1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	7,1	
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	5,9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	5,9	
					Pháp luật đại cương		2	2	6,9	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,9	
					Ngoại ngữ 1		2	2	8,3	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,3	Có xác nhận học Tiếng Anh
					Ngoại ngữ 2		2	2	7,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,8	Có xác nhận học Tiếng Anh
					Ngoại ngữ 3		2	2	6,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,6	Có xác nhận học Tiếng Anh

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tin học		3	3	7,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
41	Lê Thanh Thảo	25T120302	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Việt Mỹ Hà Nội										39	
					Chính trị		4	4	8,5	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,5		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Tiếng anh 1		3	3	7,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,9		
					Tiếng anh 2		3	3	7,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,2		
					Tiếng Anh chuyên ngành		3	3	7,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,1		
					Tin học		3	3	7,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Kinh tế vi mô		3	3	8,7	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	8,7		
					Quản trị học		3	3	7,6	Quản trị học	TXBMGM0111	3	7,6		
					Marketing căn bản		3	3	8,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,1		
					Khởi sự doanh nghiệp		4	4	8,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,6		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,6	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,6		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	8,2	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,2		
					Quản trị thương hiệu		3	3	8,6	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	8,6		
					Nguyên lý kế toán		3	3	9,0	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	9,0		
42	Nguyễn Thị Thu	25T120307	K11CTX1HN	Trường Đại học FPT										33	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	10,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	10,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,1		
					Tiếng anh 1.2		3	3	9,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	9,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,0		
					Tin học		3	3	9,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	8,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,2		
					Tổng quan TMĐT		3	3	8,8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,8		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,3	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,3		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,8	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,8		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	6,9	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	6,9		
43	Nguyễn Thu Thảo	25T120304	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội										27	
					Chính trị		6	6	7,4	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,4		
										Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	7,4		
					Pháp luật		3	3	8,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,4		
					Tiếng anh		4	4	6,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,7		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,7		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tiếng Anh chuyên ngành		3	3	6,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,2		
					Tin học 2		3	3	8,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		3	3	7,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,0		
					Pháp luật kinh tế		3	3	7,2	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	7,2		
					Marketing du lịch		4	4	8,0	Marketing du lịch	TXTMKT0511	3	8,0		
					Nguyên lý kế toán		3	3	8,1	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	8,1		
44	Nguyễn Đặng Phương Anh	25T120243	K11CTXIHN	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách khoa Hà Nội										28	
					Giáo dục chính trị		4	4	7,7	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,7		
					Pháp luật		2	2	7,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,2		
					Tiếng anh		5	5	7,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,9		
					Tiếng anh chuyên ngành 1		3	3	7,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,6		
					Tiếng anh chuyên ngành 2		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Giáo dục thể chất		2	2	8,2	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,2		
					Kinh tế vi mô		3	3	8,5	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	8,5		
					Quản trị học		3	3	8,1	Quản trị học	TXBMGM0111	3	8,1		
					Marketing căn bản		3	3	7,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,0		
					Pháp luật kinh tế		3	3	7,4	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	7,4		
					Nguyên lý kế toán		3	3	6,9	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	6,9		
45	Lê Hồng Anh	25T120241	K11CTXIHN	Trường Cao đẳng Kinh tế Công nghệ Hà Nội										36	
					Chính trị		4	4	8,3	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,3		
					Pháp luật		2	2	7,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,3		
					Tiếng Anh		6	6	8,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,4		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,4		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,4		
					Tin học		3	3	6,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Thương mại điện tử căn bản		3	3	8,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	6,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	6,8		
					Tâm lý và Hành vi khách hàng		4	4	9,1	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	9,1		
					Nghiên cứu marketing		3	3	8,9	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	8,9		
					Quản trị marketing		3	3	8,2	Quản trị marketing 1	TXMAGM0411	3	8,2		
					Truyền thông marketing tích hợp		4	4	8,1	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,1		
					Quản trị thương hiệu		3	3	8,8	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	8,8		
46	Hồ Yến Nhi	25T120292	K11CTXIHN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										36	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	6,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,7		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,6		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,6		
					Tin học		3	3	6,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Nhập môn Marketing và bán hàng		3	3	7,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,4		
					Luật kinh tế		3	3	7,0	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	7,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,1	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,1		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,2	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,2		
					Quản trị bán hàng		3	3	6,1	Quản trị bán hàng	TXCEMG2621	3	6,1		
					Xây dựng và phát triển thương hiệu		3	3	7,8	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	7,8		
47	Nguyễn Mai Lan	25T120279	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										18	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,6		
					Tiếng anh 1.2		3	3	10,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	10,0		
					Tiếng anh 2.1		3	3	9,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,4		
					Tin học		3	3	6,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,9	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,9		
48	Lương Nhật Tân	25T120300	K11CTX1HN	Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải										21	
					Những NLCBCN của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	4		3	6,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,0		
					Những NLCBCN của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	3		2	6,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	6,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	5,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	5,0		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	5		4	5,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	5,0		
					Tiếng Anh 1	4		3	5,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,0		
					Tiếng anh 2	4		3	5,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,0		
					Toán ứng dụng 1	5		4	6,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	6,0		
					Nhập môn tin học	5		4	5,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất					Cờ vua	TXGDTC0921	2			
49	Nguyễn Minh Đức	25T120262	K11CTX1HN	Trường Đại học FPT										33	
					Chính trị		4	4	7,6	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,6		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,1		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,3		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,1		
					Tin học		3	3	9,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm	Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Điểm			
						Số ĐV HT									Số TC
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,5		
					Tổng quan TMDT		3	3	6,4	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,4		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,4	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,4		
					Hành vi khách hàng		3	3	6,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	6,5		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,9	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,9		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	8,1	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,1		
50	Nguyễn Đắc Hưng	25T120272	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	9,3	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,3		
					Pháp luật		2	2	6,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,9		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	9,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Tin học		3	3	9,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	8,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,3		
					Tổng quan TMDT		3	3	9,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,1		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,1	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,1		
					Nghiên cứu marketing		3	3	5,7	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	5,7		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,7	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,7		
51	Đình Minh Hiếu	25T120267	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										20	
					Chính trị		4	4	5,2	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,2		
					Pháp luật		2	2	7,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,5		
					Tiếng Anh 1		3	3	6,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,1		
					Tiếng Anh 2		3	3	7,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,5		
					Tiếng Anh 3		3	3	7,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,5		
					Tin học		3	3	7,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Marketing căn bản		3	3	6,6	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,6		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,1	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,1		
52	Nguyễn Văn Tú	25T120316	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										18	
					Chính trị		4	4	8,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Pháp luật		2	2	8,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,7		
					Tiếng anh 1.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,9		
					Tiếng anh 1.2		3	3	6,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,9		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Tin học		3	3	6,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVT HT	Số TC								
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,7		
53	Vũ Minh Trang	25T120313	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	9,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,7		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,9		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Tin học		3	3	6,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - Vovinam		2	2	7,2	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,2		
					Marketing căn bản		3	3	7,9	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,9		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,2		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,0	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,0		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,4	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,4		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	7,8	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,8		
54	Nguyễn Thành Long	25T120281	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	8,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Pháp luật		2	2	8,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,2		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,2		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,1		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,3		
					Tin học		3	3	7,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,9	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,9		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	6,6	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,6		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,8		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,0	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,0		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,5	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	7,5		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	8,0	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,0		
55	Phạm Văn Doanh	25T120261	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										18	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	5,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,5		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,4		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,3		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,3		
					Tin học		3	3	7,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Giáo dục thể chất - Vovinam		2	2	9,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	9,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,2		
														34	
56	Nguyễn Tá Đại Đoàn	25T120260	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội			4	4	5,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,0		
					Giáo dục chính trị		2	2	6,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,0		
					Pháp luật		3	3	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	8,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,1		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	6,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,9		
					Tiếng anh chuyên ngành		3	3	5,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Tin học		2	2	7,7	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,7		
					Giáo dục thể chất		3	3	6,6	Quản trị học	TXBMGM0111	3	6,6		
					Quản trị học		3	3	7,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,3		
					Marketing căn bản		3	3	6,6	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	6,6		
					Nghiên cứu marketing		3	3	7,3	Quản trị marketing 1	TXMAGM0411	3	7,3		
					Quản trị marketing		3	3	7,0	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	7,0		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	6,3	Quản trị bán hàng	TXCEMG2621	3	6,3		
					Quản trị bán hàng									33	
57	Nguyễn Thiên Minh	25T120283	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic			4	4	8,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Chính trị		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Pháp luật		3	3	7,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,1		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	6,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,7		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	5,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,7		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Tin học		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Giáo dục thể chất		3	3	6,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,1		
					Marketing căn bản		3	3	7,8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,8		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,3	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,3		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	6,4	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	6,4		
					Hành vi khách hàng		3	3	6,7	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	6,7		
					Nghiên cứu marketing		3	3	9,0	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	9,0		
					Truyền thông marketing tích hợp									18	
58	Phạm Phúc Đắc	25T120258	K11CTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic			4	4	9,5	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,5		
					Chính trị		2	2	8,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,5		
					Pháp luật		3	3	8,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,1		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,6		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Tin học										

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CDT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,5		
59	Nguyễn Thị Ánh	25T120252	K11CTX1HN	Trường Đại Học FPT										33	
					Chính trị		4	4	9,7	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,7		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,8		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	10,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	10,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	9,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,3		
					Tin học		3	3	8,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	8,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,4		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,2	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,2		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,8		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,2	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,2		
					Nghiên cứu marketing		3	3	6,7	Nghiên cứu marketing	TXBMKT4011	3	6,7		
					Truyền thông marketing tích hợp		3	3	8,7	Truyền thông marketing*	TXMAGM1421	3	8,7		



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÀO TẠO TỪ XA KHOÁ 11 ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ
NGÀNH: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Quyết định số 1765 /QĐ-ĐHTM ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
														36	
1	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	25T140263	K1111X1H N	Trường Đại học FPT											
					Chính trị		4	4	9,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	7,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,4		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,5		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,4		
					Pháp luật		2	2	8,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,7		
					Tin học		3	3	8,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan hương mại điện tử		3	3	7,2	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,2		
					Marketing căn bản		3	3	7,9	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,9		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,2		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,4	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,4		
					Xây dựng trang web		3	3	7,9	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	7,9		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,0	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,0		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	6,6	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	6,6		
														36	
2	Đỗ Thị Thu Thảo	25T140281	K1111X1H N	Trường Đại học FPT											
					Chính trị		4	4	8,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,5		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,6		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	9,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,1		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
					Pháp luật		2	2	8,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,0		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan hương mại điện tử		3	3	9,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,3		
					Marketing căn bản		3	3	8,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,1		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,2		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Hành vi khách hàng		3	3	7,8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,8		
					Xây dựng trang web		3	3	8,0	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,0		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,8	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,8		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	9,1	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	9,1		
3	Cao Đức Anh	25T140205	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Nghề Bách Khoa Hà Nội										21	
					Chính trị		5	5	8,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
										Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	TXRLCP1211	2	8,0		
					Anh văn 1		4	4	7,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Anh văn 2		4	4	8,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
					Pháp luật		2	2	8,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,0		
					Toán cao cấp		3	3	8,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	8,0		
					Tin học căn bản		3	3	7,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
4	Chu Thị Ngọc Ánh	25T140210	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du Lịch Hà Nội										26	
					Giáo dục chính trị		3	3	7,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,3		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	9,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,4		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	9,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,5		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	8,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,1		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tin học		3	3	8,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,9		
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	9,4	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,4		
					Tâm lý kinh doanh		2	2	9,0	Tâm lý quản trị kinh doanh	TXTMKT0211	2	9,0		
					Xây dựng Website TMĐT 2		3	3	10,0	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	10,0		
5	Ngô Đình Doanh	25T140219	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du Lịch Hà Nội										26	
					Giáo dục chính trị		3	3	6,7	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,7		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	6,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,7		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	8,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,3		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	7,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,4		
					Pháp luật		2	2	8,6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,6		
					Tin học		3	3	7,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		3	3	7,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,0		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,3		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyet CNKQ HT & CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	7,4	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,4		
					Tâm lý kinh doanh		2	2	8,5	Tâm lý quản trị kinh doanh	TXTMKT0211	2	8,5		
					Xây dựng Website TMBĐT 2		3	3	9,3	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,3		
6	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	25T140270	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thương Mại										20	
					Những NLCB CN Mác - Lê Nin	4		3	6,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	7,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,0		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3		2	7,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,0		
					Anh văn chuyên ngành	5		4	7,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Toán cao cấp	4		3	8,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	8,0		
					Kinh tế vi mô	4		3	6,0	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	6,0		
					Thương mại điện tử	4		3	9,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,0		
7	Nguyễn Hương Giang	25T140228	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	9,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,1		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	9,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,1		
					Pháp luật		2	2	8,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,8		
					Tin học		3	3	9,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan Thương mại điện tử		3	3	8,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,7		
					Marketing căn bản		3	3	8,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,1		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,2	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,2		
					Xây dựng trang web 2		3	3	10,0	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	10,0		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,7	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,7		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	9,6	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	9,6		
8	Nguyễn Thị Thanh	25T140279	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										30	
					Chính trị		4	4	9,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,5		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,4	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,4		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,5		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tin học		3	3	7,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - vivonam		2	2	7,5	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,5		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Marketing căn bản		3	3	6,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,7		
					Khởi sự Doanh nghiệp		3	3	7,4	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,4		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,0	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,0		
					Thiết kế trang web		3	3	8,1	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,1		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,8	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,8		
9	Đỗ Duy Thái	25T140275	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	9,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,5		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,2		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,3		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,6		
					Pháp luật		2	2	7,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,7		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất Vovinam		2	2	7,3	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,3		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	6,8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,8		
					Marketing căn bản		3	3	7,8	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,8		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,5		
					Thiết kế trang web		3	3	8,8	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,8		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,5	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,5		
10	Dương Huy Hoàng	25T140242	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thương Mại										16	
					Giáo dục chính trị		4	4	6,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,5		
					Tiếng anh		6	6	7,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,9		
						Tiếng Anh 2				TXENTH1511	2	7,9			
						Tiếng Anh 3				TXENTH1611	2	7,9			
					Pháp luật		2	2	6,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,5		
					Tin học		3	3	8,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
11	Lê Thị Kim Anh	25T140206	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại										2	
					Giáo dục chính trị		2	2	8,0	Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	TXRLCP1211	2	8,0		
12	Nguyễn Mai Anh	25T140207	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,7		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,7		
					Tiếng anh 2.1		3	3	8,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,5		
					Pháp luật		2	2	7,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,5		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT & CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Tin học		3	3	6,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,3	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,3		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,1		
					Marketing căn bản		3	3	7,8	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,8		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,5		
					Thiết kế trang web		3	3	7,3	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,3		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,0	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,0		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,2	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,2		
13	Nguyễn Tuấn Minh	25T140259	K1111X1H N	Trường Đại học FPT										18	
					Chính trị		4	4	9,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,8		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,7		
					Tiếng anh 1.2		3	3	10,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	10,0		
					Tiếng anh 2.1		3	3	9,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,2		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tin học		3	3	9,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	6,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	6,6		
14	Vũ Đức Mạnh	25T140258	K1111X1H N	Trường Đại học FPT										18	
					Chính trị		4	4	8,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,2		
					Tiếng anh 1.2		3	3	5,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,3		
					Tiếng anh 2.1		3	3	6,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,9		
					Pháp luật		2	2	8,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,2		
					Tin học		3	3	7,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,3	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,3		
15	Nguyễn Thị Luyến	25T140256	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Ngoại Ngữ và Công Nghệ Hà Nội										34	
					Giáo dục chính trị		4	4	8,1	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,1		
					Tiếng Anh		5	5	6,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,6		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,6		
					Pháp luật		2	2	4,9	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	4,9		
					Tin học		3	3	8,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,8	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,8		
					Thương mại điện tử căn bản		3	3	7,4	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,4		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Marketing căn bản		3	3	6,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,7		
					Pháp Luật Thương mại điện tử		3	3	7,3	Luật Thương mại điện tử	TXPLAW1411	2	7,3		
					Thiết kế và quản trị website thương mại		4	4	8,8	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,8		
					Marketing điện tử và bán hàng trực tuyến		4	4	7,9	Marketing Thương mại điện tử *	TXSMGM0512	3	7,9		
					Thanh toán điện tử		3	3	7,7	Thanh toán điện tử	TXPCOM0411	3	7,7		
					Quản trị dự án		4	4	8,4	Quản trị dự án	TXCEMG2711	3	8,4		
16	Nguyễn Thu Huyền	25T140248	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										30	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,2		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	6,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,8		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,4		
					Pháp luật		2	2	7,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,2		
					Tin học		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - Vovinam		2	2	7,8	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,8		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,6	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,6		
					Marketing căn bản		3	3	7,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,3		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,1		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,4	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,4		
					Xây dựng trang web 2		3	3	5,5	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	5,5		
17	Nguyễn Thị Hạnh	25T140236	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Ngoại Ngữ và Công Nghệ Hà Nội										14	
					Giáo dục chính trị		4	4	8,1	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,1		
					Tiếng anh		5	5	7,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,1		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,1		
					Pháp luật		2	2	8,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,1		
					Tin học		3	3	5,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	7,6	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,6		
18	Cáp Thị Thùy Dương	25T140222	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										24	
					Giáo dục chính trị		3	3	5,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	5,8		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	9,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,9		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	9,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,5		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	7,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,7		
					Pháp luật		2	2	8,6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,6		
					Tin học		3	3	8,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	7,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,7		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	8,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,7		
					Xây dựng website TMDT 2		3	3	7,5	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,5		
19	Nguyễn Thị Diễm	25T140218	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội										14	
					Giáo dục chính trị		4	4	8,1	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,1		
					Tiếng Anh		5	5	6,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,8		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,8		
					Pháp luật		2	2	7,9	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,9		
					Tin học		3	3	7,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	6,1	Cờ vua	TXGDTC0921	2	6,1		
20	Nguyễn Việt Hùng	25T140246	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										36	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,4		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,6		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,8	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,8		
					Pháp luật		2	2	6,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,0		
					Tin học		3	3	7,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan TMDT		3	3	7,2	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,2		
					Marketing căn bản		3	3	7,8	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,8		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,1		
					Hành vi khách hàng		3	3	6,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	6,5		
					Xây dựng trang web		3	3	7,4	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	7,4		
					Xây dựng trang web 2		3	3	7,2	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,2		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	5,9	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	5,9		
21	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	25T140283	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										35	
					Chính trị		4	4	9,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,4		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	6,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,0		
					Pháp luật		2	2	8,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,7		
					Tin học		3	3	6,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,6	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,6		
					Marketing căn bản		3	3	7,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,3		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,9	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,9		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Hành vi khách hàng		3	3	7,6	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,6		
					Xây dựng trang web 2		3	3	7,7	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,7		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,7	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,7		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	6,7	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	6,7		
22	Hoàng Thị Uyên	25T140294	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										34	
					Chính trị		4	4	8,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,2		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,3		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,3		
					Pháp luật		2	2	8,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,7		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Giáo dục thể chất chung	TXGDTC1611	1	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	5,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	5,9		
					Marketing căn bản		3	3	7,6	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,6		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,5		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,5		
					Xây dựng trang web 2		3	3	7,9	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,9		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,2	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,2		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,7	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,7		
23	Trần Thị Việt Trinh	25T140292	K1111X1H N	Trường Đại học FPT										38	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,5		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,8		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
					Pháp luật		2	2	8,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,8		
					Tin học		3	3	9,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất chung		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,0		
					Marketing căn bản		3	3	7,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,7		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,9	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,9		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,0	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,0		
					Xây dựng trang web		3	3	9,1	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	9,1		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,0	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,0		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,7	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,7		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,6	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,6		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa					Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Điểm		
						Số ĐVHT	Số TC								
24	Nguyễn Đức Thắng	25T140277	K1111XIH N	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội										18	
					Triết học Mác - Lênin		3	3	7,2	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,2		
					Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin		2	2	7,0	Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	TXRLCP1211	2	7,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	6,6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM0111	2	6,6		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	5,7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM0131	2	5,7		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	6,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM0121	2	6,0		
					Pháp luật đại cương		2	2	5,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,8		
					Xác suất thống kê		3	3	6,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	6,0		
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		3	3	7,5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	7,5		
25	Đỗ Thuý Linh	25T140251	K1111XIH N	Trường Đại học FPT										36	
					Chính trị		4	4	8,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,2		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,8		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	5,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,6		
					Pháp luật		2	2	6,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,8		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,1		
					Marketing căn bản		3	3	7,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,6		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,5		
					Xây dựng trang web		3	3	5,8	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	5,8		
					Xây dựng trang web 2		3	3	7,1	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,1		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,5	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,5		
26	Hoàng Thị Yên	25T140295	K1111XIH N	Trường Cao đẳng Công nghệ Bắc Hà										14	
					Chính trị		4	4	8,7	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,7		
					Tiếng Anh		5	5	9,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,6		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,6		
					Pháp luật		2	2	8,6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,6		
					Tin học		3	3	9,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
27	Nguyễn Tuệ Minh	25T140260	K1111XIH N	Trường Đại học Hà Nội										21	
					Triết học Mác - Lênin		3	3	6,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,5		
					Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin		2	2	6,5	Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	TXRLCP1211	2	6,5		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	6,3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM0111	2	6,3		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	6,8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,8		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	6,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	6,0		
					Ngoại ngữ - tiếng anh A1		3	3	9,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,2		
					Ngoại ngữ - tiếng anh A2		4	4	9,4	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,4		
					Ngoại ngữ - tiếng anh 1B1		3	3	9,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,0		
					Pháp luật đại cương		2	2	7,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,8		
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	7,0	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	7,0		
28	Nguyễn Thị Thuý Trinh	25T140291	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội										14	
					Giáo dục chính trị		4	4	8,2	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,2		
					Ngoại ngữ 1		3	3	6,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,8		Có xác nhận NN học Tiếng Anh
					Ngoại ngữ 2		3	3	6,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,8		
					Tin học		3	3	9,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Nghiên cứu khoa học		2	2	7,9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	7,9		
					Giáo dục thể chất		2	2	8,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0		
29	Nguyễn Sỹ Hải	25T140231	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội										14	
					Giáo dục chính trị	4		3	8,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,3		
					Tiếng anh căn bản 1	3		2	7,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,9		
					Tiếng anh căn bản 2	3		2	7,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,3		
					Tiếng anh chuyên ngành 1	4		3	7,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,7		
					Tin học 1	3		2	8,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				7,2	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,2		
30	Trịnh Trung Đức	25T140220	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										9	
					Tiếng anh 2.2		3	3	5,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,5		
					Giáo dục thể chất - Vovinam		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,7		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	6,6	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	6,6		
31	Cao Hoài Thu	25T140285	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,2		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,1		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,7		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,4		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,8		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT & CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Marketing căn bản		3	3	8,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,1		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,6	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,6		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,4	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,4		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,0	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,0		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,7	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,7		
32	Nguyễn Bích Ngọc	25T140264	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Ngoại Ngữ và Công Nghệ Hà Nội										34	
					Giáo dục chính trị		4	4	7,1	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,1		
					Tiếng anh		5	5	7,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Tin học		3	3	7,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	5,1	Cờ vua	TXGDTC0921	2	5,1		
					Thương mại điện tử căn bản		3	3	8,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,0		
					Marketing căn bản		3	3	6,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,3		
					Pháp luật thương mại điện tử		3	3	6,4	Luật Thương mại điện tử	TXPLAW1411	2	6,4		
					Thiết kế và quản trị Website thương mại		4	4	8,7	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,7		
					Marketing điện tử và bán hàng trực tuyến		4	4	6,9	Marketing Thương mại điện tử *	TXSMGM0512	3	6,9		
					Thanh toán điện tử		3	3	6,2	Thanh toán điện tử	TXPCOM0411	3	6,2		
					Quản trị dự án		4	4	8,5	Quản trị dự án	TXCEMG2711	3	8,5		
33	Vũ Thị Thùy	25T140286	K1111X1H N	Trường Đại học FPT										35	
					Chính trị		4	4	9,7	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,7		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,5		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,7		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	9,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,0		
					Pháp luật		2	2	7,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,5		
					Tin học		3	3	9,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan Thương mại điện tử		3	3	5,8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	5,8		
					Marketing căn bản		3	3	8,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,2		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,1		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,1	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,1		
					Xây dựng trang web		3	3	8,3	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,3		
					Xây dựng trang web 2		3	3	9,8	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,8		
					marketing mạng xã hội		3	3	6,9	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	6,9		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
34	Đặng Đại Dương	25T140223	K1111XIH N	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										19	
					Giáo dục chính trị		3	3	6,7	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,7		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	8,3	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,3		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	8,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,2		
					Tiếng anh kinh doanh		3	3	7,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,4		
					Pháp luật		2	2	6,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,5		
					Tin học		3	3	6,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,3		
35	Nguyễn Ngọc Thu Giang	25T140229	K1111XIH N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	8,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,5		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,7		
					Tiếng anh 1.2		3	3	9,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,0		
					Tiếng anh 2.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,2		
					Pháp luật		2	2	8,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,2		
					Tin học		3	3	7,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan Thương mại điện tử		3	3	7,6	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,6		
					Marketing căn bản		3	3	7,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,7		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,4	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,4		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,3	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,3		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,1	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,1		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,6	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,6		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,5	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,5		
36	Vũ Thị Huế	25T140245	K1111XIH N	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du Lịch Hà Nội										21	
					Giáo dục chính trị		3	3	8,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,3		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	9,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,7		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	9,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,6		
					Tiếng Anh kinh doanh 1		3	3	8,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,4		
					Pháp luật		2	2	7,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,7		
					Tin học		3	3	9,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Thương mại điện tử		3	3	8,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,7		
					Tâm lý kinh doanh		2	2	7,8	Tâm lý quản trị kinh doanh	TXTMKT0211	2	7,8		
37	Tạ Quang Huy	25T140247	K1111XIH N	Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội										39	

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Triết học Mác - Lênin		3	3	7,4	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,4		
					Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin		2	2	5,7	Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	TXRLCP1211	2	5,7		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	6,7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM0111	2	6,7		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	7,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM0131	2	7,5		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	6,8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM0121	2	6,8		
					Tiếng Anh 1		3	3	7,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,1		
					Tiếng Anh 2		3	3	5,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,5		
					Tiếng Anh 3		2	2	6,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,2		
					Pháp luật đại cương		2	2	8,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,3		
					Quản trị học		3	3	7,7	Quản trị học	TXBMGM0111	3	7,7		
					Kinh tế vi mô		3	3	7,9	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	7,9		
					Marketing căn bản		3	3	7,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,5		
					Khởi sự kinh doanh		2	2	8,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,6		
					Kinh tế vĩ mô		3	3	8,6	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	8,6		
					Quản trị thương hiệu		3	3	7,7	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	7,7		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,7	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,7		
38	Trần Văn Phát	25T140269	KTHIXHN	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										33	
					Chính trị		4	4	8,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,7		
					Tiếng anh 1.2		3	3	9,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	8,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,4		
					Pháp luật		2	2	7,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,3		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	6,8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,8		
					Marketing căn bản		3	3	8,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,2	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,2		
					Thiết kế trang web		3	3	9,3	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,3		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,9	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,9		
39	Nguyễn Tuấn Dũng	25T140221	KTHIXHN	Trường Đại học FPT										38	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,9		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	10,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	10,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	10,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	10,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CDTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Pháp luật		2	2	7,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,7		
					Tin học		3	3	9,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	6,6	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,6		
					Marketing căn bản		3	3	8,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,3		
					Khởi Sự doanh nghiệp		3	3	8,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,8		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,8		
					Xây dựng trang web		3	3	8,0	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,0		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,7	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,7		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,1	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,1		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,8	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,8		
40	Nguyễn Thùy Linh	25T140253	KTHHXH N	Trường Đại học FPT										38	
					Chính trị		5	5	9,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	5,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,9		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,1		
					Pháp luật		2	2	7,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,3		
					Tin học văn phòng		3	3	6,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan Thương mại điện tử		3	3	7,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,9		
					Marketing căn bản		3	3	7,9	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,9		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,6		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,0	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,0		
					Xây dựng trang web		3	3	8,5	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,5		
					Xây dựng trang web 2		3	3	7,9	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,9		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,6	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,6		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,0	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,0		
41	Nguyễn Thị Ngọc	25T140265	KTHHXH N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	7,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,7		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	6,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,7		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,8	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,8		
					Pháp luật		2	2	7,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,8		
					Tin học		3	3	6,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - vovinam		2	2	7,8	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,8		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT & CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,1		
					Marketing căn bản		3	3	7,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,2		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	6,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	6,8		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,8		
					Xây dựng trang web 2		3	3	6,6	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	6,6		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,8	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,8		
														33	
42	Đình Văn Duy	25T140226	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic											
					Chính trị		4	4	9,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,5		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	7,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,8		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	6,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,3		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Pháp luật		2	2	9,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,2		
					Tin học		3	3	9,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,0		
					Marketing căn bản		3	3	6,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,6		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,4	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,4		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,5	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,5		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,3	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,3		
														38	
43	Vũ Hải Yến	25T140296	K1111X1H N	Trường Đại học FPT											
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Tiếng anh 1.2		3	3	9,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	9,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,6		
					Pháp luật		2	2	9,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,0		
					Tin học		3	3	9,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,4	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,4		
					Marketing căn bản		3	3	8,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,9	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,9		
					Xây dựng trang Web		3	3	8,9	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,9		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,8	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,8		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,9	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,9		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT & CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,2	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,2		
44	Phạm Thế Sơn	25T140272	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	8,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Tiếng anh 1.1		3	3	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	9,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,1		
					Pháp luật		2	2	7,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,7		
					Tin học		3	3	9,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,8		
					Marketing căn bản		3	3	7,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,7		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,1		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,6	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,6		
					Thiết kế trang web		3	3	7,8	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,8		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,7	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,7		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,2	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,2		
45	Hân Ngọc Thái	25T140276	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										18	
					Chính trị		4	4	9,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,3		
					Tiếng anh 1.1		3	3	6,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,9		
					Tiếng anh 1.2		3	3	6,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,5		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,0		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Tin học		3	3	7,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,1		
46	Lê Ngọc Sang	25T140271	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										33	
					Chính trị		4	4	9,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,3		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,2		
					Tiếng anh 1.2		3	3	5,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	6,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,7		
					Pháp luật		2	2	6,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,3		
					Tin học		3	3	7,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,6	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,6		
					Marketing căn bản		3	3	6,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,7		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,8		
					Hành vi khách hàng		3	3	6,7	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	6,7		
					Xây dựng trang Web 2		3	3	7,0	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,0		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,2	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,2		
47	Lê Thị Dương	25T140224	K1111XIH N	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp										21	
					Giáo dục chính trị		4	4	6,9	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,9		
					Tiếng Anh		6	6	6,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,6		
				Tiếng Anh 2						TXENTH1511	2	6,6			
				Tiếng Anh 3						TXENTH1611	2	6,6			
					Pháp luật		2	2	7,6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,6		
					Tin học		3	3	6,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế thương mại		3	3	8,4	Kinh tế thương mại đại cương	TXTECO0111	2	8,4		
					Giáo dục thể chất		2	2	5,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	5,0		
					Kinh tế vi mô		3	3	7,6	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	7,6		
48	Phan Quang Khải	25T140249	K1111XIH N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,7		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,1		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Pháp luật		2	2	10,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	10,0		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,1		
					Marketing căn bản		3	3	7,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,4		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,5		
					Xây dựng trang Web 2		3	3	8,3	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,3		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,1	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,1		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,5	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,5		
49	Lê Khánh Nam	25T140262	K1111XIH N	Trường Cao đẳng FPT POLYTECHNIC										35	
					Chính trị		4	4	9,1	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,1		
					Tiếng anh 1.1		3	3	7,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,2		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,6		
					Pháp luật		2	2	7,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,7		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT & CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Tin học		3	3	9,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	6,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,5		
					Marketing căn bản		3	3	6,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,3	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,3		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,5		
					Xây dựng trang Web 2		3	3	9,3	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,3		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,3	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,3		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,3	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,3		
50	Nguyễn Thành Đạt	25T140216	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										9	
					tiếng anh 2,2		3	3	7,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,0		
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,7		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,3	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,3		
51	Nguyễn Tôn Cường	25T140214	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										24	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,6		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,2		
					Tiếng anh 2.1		3	3	6,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,9		
					Pháp luật		2	2	7,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,8		
					Tin học		3	3	9,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	6,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	6,2		
					Xây dựng trang web		3	3	8,0	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,0		
					Xây dựng trang web 2		3	3	9,7	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,7		
52	Nguyễn Trần Phương Anh	25T140208	K1111X1H N	Trường Đại học FPT										36	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	10,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	10,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	10,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	10,0		
					Pháp luật		2	2	9,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,2		
					Tin học		3	3	9,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan Thương mại điện tử *		3	3	9,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,5		
					Marketing căn bản		3	3	8,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,4		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT & CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,4	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,4		
					Xây dựng trang web		3	3	9,0	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	9,0		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,9	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,9		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,5	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,5		
														34	
53	Nguyễn Thủy Hằng	25T140234	K1111XIII N	Trường Đại học FPT											
					Chính trị		4	4	9,2	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,2		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,5		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	9,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Tin học		3	3	8,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan Thương mại điện tử		3	3	8,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,7		
					Marketing căn bản		3	3	8,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,2		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,4	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,4		
					Xây dựng trang web		3	3	7,5	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	7,5		
					Xây dựng trang web 2		3	3	9,4	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,4		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,7	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,7		
														38	
54	Trần Thanh Tùng	25T140293	K1111XIII N	Trường Đại học FPT											
					Chính trị		4	4	9,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,5		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,5		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	9,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,6		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	9,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,7		
					Pháp luật		2	2	8,6	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,6		
					Tin học		3	3	9,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,5		
					Marketing căn bản		3	3	8,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,2	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,2		
					Xây dựng trang web		3	3	8,4	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,4		
					Xây dựng trang web 2		3	3	9,4	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,4		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,0	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,0		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,0	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,0		

19

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
55	Chu Đặng Thùy Linh	25T140250	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	9,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,3		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,4		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,8		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,9		
					Pháp luật		2	2	6,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,2		
					Tin học		3	3	6,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - Vovinam		2	2	7,3	Cờ vua	TXGDT0921	2	7,3		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,4	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,4		
					Marketing căn bản		3	3	6,1	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,1		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,8		
					Xây dựng trang web 2		3	3	6,5	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	6,5		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,1	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,1		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,3	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,3		
56	Phan Phúc Sơn	25T140273	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	8,7	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,7		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,2		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,2		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,6		
					Pháp luật		2	2	6,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,5		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDT0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	6,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,5		
					Marketing căn bản		3	3	7,9	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,9		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,2		
					Hành vi khách hàng		3	3	6,9	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	6,9		
					Xây dựng trang web 2		3	3	6,8	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	6,8		
					Marketing mạng xã hội		3	3	6,6	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	6,6		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,5	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,5		
57	Trần Thị Minh Châu	25T140212	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội										14	
					Giáo dục chính trị		4	4	8,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
					Ngoại ngữ 1		3	3	8,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,5		Có xác nhận học Tiếng Anh
					Ngoại ngữ 2		3	3	7,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,2		Có xác nhận học Tiếng Anh
					Pháp luật		2	2	7,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,7		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Tin học		3	3	8,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	7,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4		
														35	
58	Nguyễn Thị Hiền	25T140238	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic											
					Chính trị		4	4	9,2	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,2		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,2		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,1		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,1		
					Pháp luật		2	2	8,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,1		
					Tin học		3	3	9,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	7,9	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,9		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,5		
					Marketing căn bản		3	3	8,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,2		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,5		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,7	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,7		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,7	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,7		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,5	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,5		
														35	
59	Nguyễn Tuấn Anh	25T140209	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic											
					Chính trị		4	4	9,2	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,2		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,5		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,3		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,5		
					Pháp luật		2	2	7,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,5		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	6,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,7		
					Marketing căn bản		3	3	7,6	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,6		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,1		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,9	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,9		
					Xây dựng trang Web 2		3	3	9,3	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,3		
					Marketing mạng xã hội		3	3	6,5	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	6,5		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,1	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,1		
														21	
60	Đoàn Trọng Tài	25T140274	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương											
					Giáo dục chính trị		4	4	7,9	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,9		
					Tiếng anh		5	5	7,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,2		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,2		
					Tin học		3	3	7,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	6,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	6,4		
					Thương mại điện tử		3	3	7,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,9		
					Lập trình Python cơ bản		3	3	7,8	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	7,8		
					Thiết kế website		3	3	6,8	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	6,8		
61	Nguyễn Thị Thanh Hằng	25T140232	KTHIXIHN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	8,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,8		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,8		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,5		
					Pháp luật		2	2	6,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,5		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất-Vovinam		2	2	7,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4		
					Tổng quan TMDT		3	3	7,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,5		
					Marketing căn bản		3	3	8,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,4		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,3	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,3		
					Xây dựng trang web 2		3	3	6,7	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	6,7		
					Marketing mạng xã hội		3	3	6,5	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	6,5		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,8	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,8		
62	Nguyễn Thị Trà	25T140288	KTHIXIHN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										38	
					Chính trị		4	4	9,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,5		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,9		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,5		
					Pháp luật		2	2	9,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,2		
					Tin học		3	3	9,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,3		
					Marketing căn bản		3	3	8,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,8		
					Xây dựng trang web		3	3	8,8	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,8		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,4	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,4		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,5	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,5		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,3	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,3		
														38	
63	Nguyễn Thị Hoan	25T140241	K111TXIH N	Trường Đại học FPT			4	4	9,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,5		
					Chính trị		3	3	8,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,4		
					Tiếng anh 1.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,9		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,1		
					Tiếng anh 2.1		2	2	6,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,8		
					Pháp luật		3	3	7,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Tin học		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Giáo dục thể chất		3	3	7,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,0		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,5		
					Marketing căn bản		3	3	8,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,2		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,3	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,3		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,4	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,4		
					Xây dựng trang Web		3	3	7,4	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,4		
					Xây dựng trang Web 2		3	3	8,1	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,1		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,5	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,5		
					Truyền thông Marketing tích hợp									35	
64	Nguyễn Xuân Thắng	25T140278	K111TXIH N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic			4	4	9,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,5		
					Chính trị		3	3	8,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,9		
					Tiếng anh 1.1		3	3	8,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,7		
					Tiếng anh 1.2		3	3	6,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,9		
					Tiếng anh 2.1		2	2	7,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,1		
					Pháp luật		3	3	5,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Tin học		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Giáo dục thể chất		3	3	5,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	5,5		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	7,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,2		
					Marketing căn bản		3	3	8,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,2	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,2		
					Hành vi khách hàng		3	3	6,4	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	6,4		
					Xây dựng trang Web 2		3	3	6,6	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	6,6		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,4	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,4		
					Truyền thông Marketing tích hợp									40	
65	Vũ Việt Hoàng	25T140243	K111TXIH N	Trường Đại học FPT			5	5	7,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,3		
					Chính trị										

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT & CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
										Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	TXRLCP1211	2	7,3		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	6,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,4		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	6,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,5		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,3		
					Pháp luật		2	2	6,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,2		
					Tin học văn phòng		3	3	8,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - vovinam 1		2	2	8,6	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,6		
					Tổng quan Thương mại điện tử		3	3	8,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,5		
					Marketing căn bản		3	3	8,2	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,2		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,7		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,5	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,5		
					Xây dựng trang web		3	3	8,5	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	8,5		
					Xây dựng trang web 2		3	3	9,0	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,0		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,9	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,9		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,8	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,8		
66	Nguyễn Thị Hải Hậu	25T140237	K1111X11H N	Trường Đại học FPT										40	
					Chính trị		5	5	7,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,8		
										Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	TXRLCP1211	2	7,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,9		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,7		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,7		
					Pháp luật		2	2	6,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,5		
					Tin học văn phòng		3	3	8,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - vovinam 1		2	2	8,1	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,1		
					Tổng quan Thương mại điện tử		3	3	8,3	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,3		
					Marketing căn bản		3	3	8,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,3		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,5		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,8		
					Xây dựng trang web		3	3	9,2	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	9,2		
					Xây dựng trang web 2		3	3	9,0	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,0		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,9	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,9		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	8,4	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	8,4		
67	Doãn Đình Bắc	25T140211	K1111X11H N	Trường Đại học FPT										34	
					Chính trị		4	4	8,7	Kinh tế Chính trị Mác – Lê Nin	TXRLCP1211	2	8,7		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	5,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,9		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT & CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Tiếng Anh 1.2		3	3	5,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,6		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	6,8	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,8		
					Pháp luật		2	2	7,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,5		
					Tin học		3	3	7,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - Vovinam		2	2	6,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	6,4		
					Tổng quan Thương mại điện tử		3	3	6,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	6,9		
					Marketing căn bản		3	3	7,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,4		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	6,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	6,5		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,4	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,4		
					Xây dựng trang web 2		3	3	7,9	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	7,9		
					Marketing mạng xã hội		3	3	7,0	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	7,0		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,0	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	7,0		
														23	
68	Nguyễn Thị Thùy Linh	25T140252	K1111XIII N	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội											
					Giáo dục chính trị		3	3	8,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,3		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	9,3	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,3		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	8,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,9		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	7,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,3		
					Pháp luật		2	2	8,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,1		
					Tin học		3	3	7,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		3	3	7,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	8,4	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,4		
					Tâm lý kinh doanh		2	2	7,9	Tâm lý quản trị kinh doanh	TXTMKT0211	2	7,9		
														38	
69	Nguyễn Văn Mừng	25T140261	K1111XIII N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic											
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,1		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
					Pháp luật		2	2	7,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,4		
					Tin học		3	3	8,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan TMĐT		3	3	8,8	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,8		
					Marketing căn bản		3	3	7,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,0		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,1		
					Hành vi khách hàng		3	3	8,0	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	8,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CBTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Xây dựng trang web		3	3	9,2	Lập trình với Python	TXINFO4511	3	9,2		
					Xây dựng trang web 2		3	3	8,7	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,7		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,1	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,1		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	7,5	Quản trị thương hiệu 2	TXBRMG2111	3	7,5		
70	Phạm Thị Phương Linh	25T140254	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										19	
					Giáo dục chính trị		3	3	7,4	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,4		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	8,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,9		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	8,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,7		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	7,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,1		
					Pháp luật		2	2	7,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,7		
					Tin học		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				7,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4		
					Tổng quan TMDT		3	3	8,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,1		
71	Trần Thị Thanh Thủy	25T140287	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										21	
					Giáo dục chính trị		3	3	6,9	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,9		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	9,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,7		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	7,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,3		
					Pháp luật		2	2	7,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,4		
					Tin học		3	3	6,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				7,4 (Đạt)	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4 (Đạt)		
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	7,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,5		
					Xây dựng website TMDT 2		3	3	6,1	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	6,1		
72	Nguyễn Hồng Hạnh	25T140235	K1111X1H N	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										35	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,4	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,4		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,5		
					Pháp luật		2	2	7,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,3		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Tổng quan TMDT		3	3	8,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,1		
					Marketing căn bản		3	3	6,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,2	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,2		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,0	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNKQ HT& CĐTC	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Thiết kế trang web		3	3	8,1	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	8,1		
					Marketing mạng xã hội		3	3	8,3	Thực hành quảng cáo điện tử	TXECOM2121	2	8,3		
					Truyền thông Marketing tích hợp		3	3	9,0	Truyền thông Marketing	TXMAGM0311	3	9,0		
73	Nguyễn Bạch Dương	25T140225	K1111X1H N	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										23	
					Giáo dục chính trị		3	3	8,6	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,6		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	7,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,5		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	8,4	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,4		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	7,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,3		
					Pháp luật		2	2	6,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,4		
					Tin học		3	3	8,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				7,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	8,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,7		
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	8,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,6		
					Tâm lý kinh doanh		2	2	8,3	Tâm lý quản trị kinh doanh	TXTMKT0211	2	8,3		
74	Phùng Thùy Trang	25T140290	K1111X1H N	Trường Cao Đẳng Thương Mại và Du Lịch Hà Nội										24	
					Giáo dục chính trị		3	3	8,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	9,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,0		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	9,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,7		
					Tiếng anh kinh doanh		3	3	8,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,4		
					Pháp luật		2	2	7,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,1		
					Tin học		3	3	9,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				7,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4		
					Tổng quan thương mại điện tử		3	3	9,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,7		
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	9,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,0		
					Xây dựng website thương mại điện tử 2		3	3	9,7	Thiết kế và triển khai website	TXECIT0731	3	9,7		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



* GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÀO TẠO TỪ XA KHOÁ 11 ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ
NGÀNH: LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

(Kèm theo Quyết định số 1765/QĐ-ĐHTM ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
														20	
1	La Thị Định	25T300273	K11LQTX1HN	Trường Đại học Đại Nam	Triết học Mác - Lênin		3	3	8,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	8,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM0121	2	8,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	8,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM0111	2	8,0		
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	2	6,5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	6,5		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	8,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM0131	2	8,0		
					Tiếng anh P1		3	3	8,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,5		
					Tiếng anh P2		3	3	7,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Tiếng anh P3		3	3	6,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,5		
					Tin học đại cương		3	3	7,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
2	Nông Thị Bình	25T300271	K11LQTX1HN	Viện Đại học Mở Hà Nội	Triết học Mác - Lênin	5		4	7,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	4		3	7,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM0121	2	7,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	6,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM0111	2	6,0		
					Kinh tế chính trị	5		4	6,0	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	6,0		
					Lịch sử Đảng	4		3	6,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM0131	2	6,0		
					Pháp luật đại cương	3		2	5,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,0		
					Tiếng anh I	10		>2	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
					Tiếng anh II	10		>2	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
					Toán giải tích	5		4	5,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	5,0		
					Tin học đại cương	4		3	6,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế vĩ mô 1	4		3	5,0	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	5,0		
					Kinh tế vi mô 1	4		3	5,0	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	5,0		
					Marketing	4		3	6,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CDT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Luật kinh doanh	4		3	6,0	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	6,0		
					Kế toán đại cương	4		3	7,0	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	7,0		
					Thống kê doanh nghiệp	4		3	6,0	Thống kê kinh doanh	TXANST1211	3	6,0		
3	Vũ Thị Kim Anh	25T300268	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										39	
					Chính trị		4	4	9,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,8		
					Pháp luật		2	2	8,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,8		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	8,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,5		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,9		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,2		
					Tin học		3	3	9,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	8,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	8,0		
					Nhập môn logistics		3	3	8,5	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	TXBLOG3011	3	8,5		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,8		
					Quản trị chuỗi cung ứng		3	3	9,1	Quản trị chuỗi cung ứng	TXBLOG2011	3	9,1		
					Quản trị mua sắm		3	3	8,6	Mua và quản trị nguồn cung	TXBLOG3041	3	8,6		
					E-Logistics		3	3	8,6	Logistics trong thương mại điện tử*	TXBLOG3221	3	8,6		
					Quản trị kho hàng		3	3	7,7	Quản lý kho và trung tâm phân phối*	TXBLOG3121	3	8,4		
					Nghiệp vụ thương mại quốc tế		3	3	8,0	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	TXITOM0511	3	8,0		
4	Phan Thị Thùy Linh	25T300291	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										39	
					Chính trị		4	4	9,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,8		
					Pháp luật		2	2	8,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,3		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,9		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,4	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,4		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,6		
					Tin học		3	3	9,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	6,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,3		
					Nhập môn logistics		3	3	7,6	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	TXBLOG3011	3	7,6		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,5		
					Quản trị chuỗi cung ứng		3	3	8,7	Quản trị chuỗi cung ứng	TXBLOG2011	3	8,7		
					Quản trị mua sắm		3	3	8,1	Mua và quản trị nguồn cung	TXBLOG3041	3	8,1		
					E-Logistic		3	3	8,3	Logistics trong thương mại điện tử*	TXBLOG3221	3	8,3		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Quản trị kho hàng		3	3	7,4	Quản lý kho và trung tâm phân phối*	TXBLOG3121	3	7,4		
					Nghiệp vụ thương mại quốc tế		3	3	7,5	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	TXITOM0511	3	7,5		
														21	
5	Vũ Thị Phương	25T300301	K11LQTX1HN	Trường Đại học Khoa học											
					Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin		5	5	6,2	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,2		
										Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	6,2		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	5,1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	5,1		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	5,9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	5,9		
					Tiếng Anh 1		4	4	7,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,5		
					Tiếng Anh 2		3	3	7,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,5		
					Tiếng Anh 3		3	3	7,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,2		
					Giải tích B1		4	4	7,2	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	7,2		
					Tin học đại cương		3	3	6,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
														15	
6	Cao Huyền Trang	25T300313	K11LQTX1HN	Trường Đại học Hà Nội											
					Triết học Mác - Lênin		3	3	6,2	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,2		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	8,4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	8,4		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	8,4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	8,4		
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	2	6,5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	6,5		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	8,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	8,5		
					Pháp luật đại cương		2	2	8,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,3		
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	8,8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	8,8		
														24	
7	Phạm Thị Hậu	25T300279	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội											
					Giáo dục chính trị		3	3	9,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,0		
					Pháp luật		2	2	8,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,4		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	8,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,6		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	8,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,9		
					Tiếng Anh kinh doanh		3	3	7,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,5		
					Tin học		3	3	8,7	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất					Cờ vua	TXGDTC0921	2			
					Khởi sự doanh nghiệp		2	2	9,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,7		
					Thương mại điện tử		3	3	8,5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,5		
					Quản trị nguồn nhân lực		3	3	8,7	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	8,7		
														14	
8	Vũ Lê Thu	25T300308	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội											
					Chính trị		4	4	7.5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7.5		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Pháp luật		2	2	7,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,4		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	7.1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7.1		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	8.8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8.8		
					Tin học đại cương		3	3	5.3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	6.4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	6.4		
9	Trần Hoàng Bách	25T300270	K11LQTX1HN	Trường Đại học FPT										13	
					Pháp luật		2	2	8,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,5		
					Tiếng anh chuyên ngành 1		3	3	9,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,2		
					Tiếng anh chuyên ngành 2		3	3	8,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,9		
					Tin học		3	3	9,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	8,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,1		
10	Nguyễn Văn Thành	25T300305	K11LQTX1HN	Trường Đại học Kinh tế quốc dân										37	
					Triết học I	3		2	6,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,1		Tính điểm TB 2 HP
					Triết học II	3		2	6,2						
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	4		3	5,1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	5,1		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	6,7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	6,7		
					Kinh tế chính trị I	4		3	6,0	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	6,0		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4		3	5,7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	5,7		
					Luật đại cương	3		2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Anh văn I	4		3	6,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,5		
					Anh văn II	4		3	6,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,3		
					Anh văn III	4		3	5,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,3		
					Toán cao cấp II	4		3	8,1	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	8,1		
					Tin ứng dụng	4		3	7,4	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế vĩ mô 1	4		3	5,5	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	5,5		
					Kinh tế vi mô 1	4		3	6,7	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	6,7		
					Nguyên lý thống kê	4		3	7,7	Nguyên lý thống kê	TXANST0211	3	7,7		
					Luật kinh tế	4		3	6,7	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	6,7		
11	Bùi Đức Vịnh	25T300315	K11LQTX1HN	Trường Đại học Thương Mại										39	
					Triết học Mác - Lênin		3	3	7,7	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,7		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	6,6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	6,6		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	7,5		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	2	8,5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	8,5		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	7,8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,8		
					Pháp luật đại cương		2	2	8,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,8		
					Toán cao cấp 1		2	2	8,1	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	6,7		Tính điểm TB 2 HP
					Toán cao cấp 2		2	2	5,2						
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	8,8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	8,8		
					Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet		2	2	5,8	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	TXeCOM2111	2	5,8		
					Quản trị học		3	3	7,1	Quản trị học	TXBMGM0111	3	7,1		
					Tiếng anh chuyên ngành 1		2	2	4,2	Tiếng Anh Thương mại 1	TXENTI3311	2	4,2		
					Tiếng anh chuyên ngành 2		2	2	8,7	Tiếng Anh Thương mại 2	TXENTI3411	2	8,7		
					Nguyên lý kế toán		3	3	9,0	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	9,0		
					Nhập môn tài chính tiền tệ		3	3	8,6	Nhập môn tài chính tiền tệ	TXEFIN2811	3	8,6		
					Thương mại điện tử căn bản		3	3	8,7	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,7		
					Hệ thống thông tin quản lý		3	3	8,5	Hệ thống thông tin quản lý	TXeCIT0311	3	8,5		
														17	
12	Phạm Thị Hoàng Ân	25T300265	K11LQTX1HN	Trường Đại học Thăng Long											
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	8,5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	8,5		
					Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học		3	3	7,9	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	7,9		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	7,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,5		
					Pháp luật đại cương		2	2	5,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,0		
					Tiếng Anh sơ cấp 1		2	2	9,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,6		
					Tiếng Anh sơ cấp 2		2	2	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng Anh sơ trung cấp 1		2	2	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Quản trị nguồn nhân lực		3	3	7,8	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	7,8		
														20	
13	Nguyễn Ngọc Quân	25T300302	K11LQTX1HN	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội											
					Những NLCB của CN Mác-Lênin P2		3	3	7,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,8		Tính điểm TB 2 HP
					Những NLCB của CN Mác-Lênin P1		2	2	7,8	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	7,8		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,4		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	5,2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	5,2		
					Pháp luật đại cương		2	2	8,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,2		
					Tiếng Anh 1		3	3	7,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,0		
					Tiếng Anh 2		3	3	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng Anh chuyên ngành		2	2	7,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,0		
					Toán P1		2	2	6,8	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	5,8		Tính điểm TB 2 HP

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Toán P2		2	2	4,8						
14	Dương Thị Hồng	25T300283	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Công nghiệp Việt Đức										24	
					Triết học Mác - Lênin	4		3	7,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	3		2	7,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	7,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	9,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	9,0		
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin	6		>2	7,0	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	7,0		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3		2	8,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	8,0		
					Pháp luật đại cương	3		2	5,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,0		
					Tiếng Anh	10		>4	9,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,0		
					Tiếng Anh chuyên ngành	5		4	8,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,0		
					Giáo dục thể chất	3		2	7,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,0		
					Kinh tế vĩ mô	4		3	7,0	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	7,0		
15	Trần Quốc Hưng	25T300285	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										16	
					Chính trị		4	4	9,7	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,7		
					Pháp luật		2	2	8,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,3		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,4		
					Tiếng anh 1.2		3	3	8,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,0		
					Tiếng anh 2.1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Tin học		3	3	9,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất - Vovinam		2	2	5,7	Cờ vua	TXGDTC0921	2	5,7		
16	Nguyễn Thị Thu Phương	25T300300	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội										12	
					Giáo dục chính trị		3	3	7,9	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,9		
					Pháp luật		2	2	8,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,7		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	6,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,9		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	7,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,5		
					Nghiệp vụ logistic		3	3	7,9	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	TXBLOG3011	3	7,9		
17	Vũ Thị Ngát	25T300295	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										36	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	8,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,0		
					Tiếng anh 1.1		3	3	6,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,9		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,4	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,4		
					Tiếng anh 2.1		3	3	6,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,3		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Tin học		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Nhập môn marketing và bán hàng		3	3	6,8	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,8		
					Hành vi khách hàng		3	3	7,8	Hành vi khách hàng	TXBMKT3811	3	7,8		
					Luật kinh tế		3	3	7,4	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	7,4		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	7,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	7,0		
					quản trị dự án kinh doanh		3	3	7,3	Quản trị dự án	TXCEMG2711	3	7,3		
					Quản trị bán hàng		3	3	7,3	Quản trị bán hàng	TXCEMG2621	3	7,3		
					Xây dựng và phát triển thương hiệu		3	3	8,0	Quản trị thương hiệu 1	TXBRMG2011	3	8,0		
18	Đoàn Bích Diệp	25T300272	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội										14	
					Chính trị		4	4	7,8	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,8		
					Pháp luật		2	2	7,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,4		
					Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		3	3	7,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,8		
					Tiếng Anh chuyên ngành		3	3	7,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,7		
					Tin học		3	3	7,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	8,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0		
19	Nguyễn Thị Thu Hà	25T300276	K11LQTX1HN	Trường Đại học Điện lực										34	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lenin 2		3	3	6,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,5		Tính điểm TB 2 HP
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lenin 1		2	2	7,2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	6,5		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	5,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	5,0		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	6,2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,2		
					Pháp luật đại cương		2	2	6,9	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,9		
					Tiếng Anh 1		4	4	5,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,9		
					Tiếng Anh 2		3	3	6,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,7		
					Tiếng anh nâng cao 1		2	2	8,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,4		
					Toán cao cấp 1		2	2	6,3	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	7,0		Tính điểm TB 2 HP
					Toán cao cấp 2		2	2	7,7						
					Nhập môn tin học		3	3	7,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Quản trị học		3	3	6,2	Quản trị học	TXBMGM0111	3	6,2		
					Nguyên lý kế toán		3	3	6,8	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	6,8		
					Quản trị rủi ro		2	2	7,8	Quản trị rủi ro	TXBMGM0411	2	7,8		
					Quản trị nhân lực		3	3	8,9	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	8,9		
20	Nguyễn Đình Nam	25T300293	K11LQTX1HN	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội										35	

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lenin 2	5		4	5,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	5,8	Tinh điểm TB 2 HP	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-lenin 1	3		2	7,0	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	5,8		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	6,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	6,0		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	4		3	7,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,0		
					Pháp luật đại cương	3		2	6,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,0		
					Tiếng anh 1	5		4	6,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,0		
					Tiếng anh 2	5		4	7,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Tiếng anh chuyên ngành	4		3	7,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,0		
					Toán cao cấp	6		>3	7,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	7,0		
					Tin học đại cương	4		3	7,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế vĩ mô	4		3	7,0	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	7,0		
					Kinh tế vi mô	4		3	8,0	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	8,0		
					Nguyên lý kế toán	5		4	6,0	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	6,0		
					Tài chính tiền tệ	4		3	7,0	Nhập môn tài chính tiền tệ	TXEFIN2811	3	7,0		
21	Tạ Thị Yến Nhi	25T300299	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										39	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	10,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	10,0		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,2		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,9	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,9		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	8,1	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,1		
					Tin học		3	3	7,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,7	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,7		
					Nhập môn logistics		3	3	7,8	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	TXBLOG3011	3	7,8		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Quản trị chuỗi cung ứng		3	3	8,2	Quản trị chuỗi cung ứng	TXBLOG2011	3	8,2		
					Quản trị mua sắm		3	3	8,7	Mua và quản trị nguồn cung	TXBLOG3041	3	8,7		
					E-Logistics		3	3	9,2	Logistics trong thương mại điện tử*	TXBLOG3221	3	9,2		
					Quản trị kho hàng		3	3	7,8	Quản lý kho và trung tâm phân phối*	TXBLOG3121	3	7,8		
					Nghiệp vụ thương mại quốc tế		3	3	8,4	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	TXITOM0511	3	8,4		
22	Vương Đình Quang	25T300303	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội										19	
					Chính trị	90h		>5	7,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,0		
										Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	7,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Anh văn	120h		>6	5,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,9		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,9		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,9		
					Tin cơ bản	75h		4	6,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất	60h		3	7,4	Cờ vua	TXGDTC0921	2	7,4		
					Marketing	60h		3	7,9	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,9		
														54	
23	Dương Minh Đức	25T300274	K11LQTX1HN	Học Viện Ngân Hàng	Triết học Mác - Lênin		3	3	8,5	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,5		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	8,1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	8,1		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,0		
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	2	8,3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	8,3		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	4,9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	4,9		
					Pháp luật đại cương		3	3	7,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,8		
					Tiếng Anh 1		3	3	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Tiếng Anh 2		3	3	9,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,0		
					Tiếng Anh 3		3	3	9,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,0		
					Xác suất thống kê		3	3	6,9	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	6,9		
					Kinh tế vĩ mô		3	3	8,1	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	8,1		
					Kinh tế vi mô		3	3	7,5	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	7,5		
					Quản trị doanh nghiệp		3	3	7,1	Quản trị học	TXBMGM0111	3	7,1		
					Marketing		3	3	5,4	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	5,4		
					Luật kinh tế		3	3	5,9	Luật kinh tế 1	TXPLAW0321	3	5,9		
					Nguyên lý kế toán		3	3	6,3	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	6,3		
					Tài chính tiền tệ		3	3	7,5	Nhập môn tài chính tiền tệ	TXEFIN2811	3	7,5		
					Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp		2	2	6,6	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	6,6		
					Thống kê kinh doanh		3	3	7,5	Thống kê kinh doanh	TXANST1211	3	7,5		
					Thương mại điện tử		3	3	7,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	7,0		
					Hệ thống thông tin quản lý		3	3	8,1	Hệ thống thông tin quản lý	TXeCIT0311	3	8,1		
														17	
24	Nguyễn Minh Tiến	25T300312	K11LQTX1HN	Trường Đại học Xây Dựng	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin (P2)		3	3	5,4	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	5,4		Tính điểm TB 2 HP
					Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin (P1)		2	2	5,5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	5,4		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	5,1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	5,1		
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3	5,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	5,5		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Pháp luật Việt Nam đại cương		2	2	4,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	4,5		
					Toán 1		3	3	7,2	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	7,2		
					Tin học đại cương		3	3	5,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
25	Lê Thị Thủy	25T300311	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Hải Dương										19	
					Những NLCB của CN Mác - Lê Nin 1		2	2	B	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	B+		Tính điểm TB 2 HP
					Những NLCB của CN Mác - Lê Nin 2		5	5	B+	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	B+		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	B	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	B		
					Đường lối cách mạng ĐCS Việt Nam		2	2	B	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	B		
					Pháp luật đại cương		2	2	B	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	B		
					Tiếng anh 1		4	4	B	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	B		
					Tiếng anh 2		2	2	B	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	B		
					Tiếng anh chuyên ngành		2	2	C	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	C		
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
26	Đường Hoa Dung	25T300275	K11LQTX1HN	Trường Đại học Thương Mại										48	
					Triết học Mác - Lênin 1	45		2	6,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7		Tính điểm TB 2 HP
					Triết học Mác - Lênin 2	45		2	8,0						
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	60		3	7,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	7,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	45		2	7,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,0		
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin 1	60		3	5,0	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	5,5		Tính điểm TB 2 HP
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin 2	60		3	6,0						
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	60		3	7,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,0		
					Pháp lý đại cương	45		2	5,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,0		
					Tiếng anh căn bản 1.1	90		>2	6,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,0		
					Tiếng anh căn bản 1.2	90		>2	7,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Tiếng anh căn bản 1.3	45		2	7,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,0		
					Toán cao cấp 2	60		3	5,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	5,0		
					Tin học đại cương	60		3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế vĩ mô	60		3	8,0	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	8,0		
					Kinh tế vi mô	60		3	7,0	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	7,0		
					Quản trị học	60		3	6,5	Quản trị học	TXBMGM0111	3	6,5		
					Marketing kinh doanh căn bản	60		3	6,0	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	6,0		
					Tiếng Anh Thương mại 2	45		2	7,0	Tiếng Anh Thương mại 1	TXENTI3311	2	7,0		
					Nguyên lý kế toán	60		3	5,0	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	5,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Quản trị chiến lược	60		3	6,5	Quản trị chiến lược	TXSMGM0111	3	6,5		
					Quản trị nhân lực	60		3	6,5	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	6,5		
27	Đoàn Tuyết Ngân	25T300294	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Công nghệ Bách khoa Hà Nội										14	
					Giáo dục chính trị		4	4	8,4	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,4		
					Pháp luật		2	2	8,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,1		
					Tiếng Anh		5	5	9,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,1		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,1		
					Tin học		3	3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	9,1	Cờ vua	TXGDTC0921	2	9,1		
28	Nguyễn Thị Thương	25T300310	K11LQTX1HN	Trường Đại học Mở Hà Nội										25	
					Triết học Mác - Lênin		3	3	7,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	7,7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM0121	2	7,7		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM0111	2	7,7		
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	2	7,7	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	7,7		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	8,4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM0131	2	8,4		
					Pháp luật đại cương		2	2	7,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,5		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	6,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,6		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	6,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,0		
					Tiếng Anh cơ bản 3		3	3	6,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,2		
					Đại số		3	3	7,7	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	7,7		
					Tin học đại cương		3	3	7,9	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
29	Đỗ Thu Nguyên	25T300298	K11LQTX1HN	Trường Cao Đẳng Thương Mại và Du Lịch Hà Nội										21	
					Giáo dục chính trị		3	3	8,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
					Pháp luật		2	2	7,8	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,8		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	8,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,9		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	9,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,6		
					Tiếng Anh kinh doanh 1		3	3	9,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,7		
					Tin học		3	3	9,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		2	2	9,7	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,7		
					Thương mại điện tử		3	3	8,1	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,1		
30	Nguyễn Thị Thu Huyền	25T300289	K11LQTX1HN	Trường Cao Đẳng Thương Mại và Du Lịch Hà Nội										21	
					Giáo dục chính trị		3	3	6,2	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,2		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Pháp luật		2	2	8,1	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,1		
					Tiếng anh cơ bản 1		3	3	9,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,1		
					Tiếng anh cơ bản 2		3	3	8,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,8		
					Tiếng anh kinh doanh 1		3	3	7,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,9		
					Tin học		3	3	9,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				8 (Đạt)	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8 (Đạt)		
					Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		2	2	8,8	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	8,8		
					Thương mại điện tử		3	3	8,9	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,9		
31	Nguyễn Thị Bích Ngọc	25T300297	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										33	
					Chính trị		4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật		2	2	8,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,2		
					Tiếng anh 1.1		3	3	9,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,0		
					Tiếng anh 1.2		3	3	7,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,8		
					Tiếng anh 2.1		3	3	8,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,6		
					Tin học		3	3	10,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,6	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,6		
					Nhập môn Logistic		3	3	8,4	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	TXBLOG3011	3	8,4		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	10,0	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	10,0		
					Quản trị chuỗi cung ứng		3	3	8,5	Quản trị chuỗi cung ứng	TXBLOG2011	3	8,5		
					Quản trị kho hàng		3	3	8,2	Quản lý kho và trung tâm phân phối*	TXBLOG3121	3	8,2		
					Nghiệp vụ thương mại quốc tế		3	3	8,4	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	TXITOM0511	3	8,4		
32	Mai Quốc Thịnh	25T300307	K11LQTX1HN	Trường Đại học Sân Khấu - Điện Ảnh Hà Nội										15	
					Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 1	4		3	6,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	6,0		
					Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 2	4		3	6,5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	6,5		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	6,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	6,0		
					Pháp luật đại cương	3		2	6,5	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	6,5		
					Tiếng Anh 1	5		4	5,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,0		
					Tiếng Anh 2	5		4	5,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,0		
					Giáo dục thể chất	5		4	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
33	Nguyễn Quỳnh Hoa	25T300282	K11LQTX1HN	Trường Đại học Luật Hà Nội										15	
					Triết học Mác - Lênin	6		>3	5,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	5,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	4		3	7,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	7,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú		
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm	
						Số ĐVHT	Số TC									
					Kinh tế chính trị	5		4	5,0	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	5,0			
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4		3	6,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,0			
					Tiếng Anh (hp1)	5		4	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0			
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	10,0			
					Tiếng Anh (hp2)	5		4	9,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,0			
														16		
34	Phạm Hữu Lộc	25T300292	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Cao Thắng												
					Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin	5		4	7,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,3			
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3		2	7,3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,3			
					Anh văn 1	3		2	5,6	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,6			
					Anh văn 2	5		4	5,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,5			
					Anh văn 3	5		4	5,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,5			
					Toán cao cấp	5		4	5,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	5,0			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt			
														16		
35	Phạm Minh Thư	25T300309	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Quốc tế Hà Nội												
					Chính trị			4	4	7,1	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	7,1		
					Pháp luật			2	2	9,2	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	9,2		
											Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,7		
					Tiếng Anh			6	6	6,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,7		
											Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,7		
					Tin học			3	3	6,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất			2	2	8,0	Cờ vua	TXGDTC0921	2	8,0		
														39		
36	Trịnh Thị Hiền	25T300280	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic												
					Chính trị			4	4	10,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	10,0		
					Pháp luật			2	2	8,7	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	8,7		
					Tiếng Anh 1.1			3	3	9,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,4		
					Tiếng Anh 1.2			3	3	8,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,3		
					Tiếng Anh 2.1			3	3	8,3	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,3		
					Tin học			3	3	9,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất			2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDTC0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản			3	3	7,3	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,3		
					Nhập môn logistics			3	3	7,9	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	TXBLOG3011	3	7,9		
					Khởi sự doanh nghiệp			3	3	9,5	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,5		
					Quản trị chuỗi cung ứng			3	3	8,8	Quản trị chuỗi cung ứng	TXBLOG2011	3	8,8		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Quản trị mua sắm		3	3	8,6	Mua và quản trị nguồn cung	TXBLOG3041	3	8,6		
					E-logistics		3	3	8,6	Logistics trong thương mại điện tử*	TXBLOG3221	3	8,6		
					Quản trị kho hàng		3	3	7,8	Quản lý kho và trung tâm phân phối*	TXBLOG3121	3	7,8		
					Nghiệp vụ thương mại quốc tế		3	3	7,9	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	TXITOM0511	3	7,9		
37	Lê Phương Thảo	25T300306	K11LQTX1HN	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội										19	
					Triết học Mác - Lênin		3	3	C+	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	C+		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	B	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	B		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	B	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	B		
					Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	2	C+	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	C+		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	C	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	C		
					Pháp luật đại cương		2	2	D+	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	D+		
					Tiếng Anh		5	5	C+	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	C+		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	C+		
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	B+	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	B+		
38	Nguyễn Ngọc Hiếu	25T300281	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng Nghề Bách khoa Hà Nội										21	
					Chính trị		5	5	8,0	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
										Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	8,0		
					Pháp luật		2	2	7,0	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,0		
					Anh văn 1		4	4	5,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,0		
					Anh văn 2		4	4	6,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,0		
					Anh văn chuyên ngành 1		2	2	5,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,0		
					Toán cao cấp		3	3	6,0	Toán đại cương	TXAMAT1011	3	6,0		
					Tin học căn bản		3	3	6,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất				Đạt	Cờ vua	TXGDT0921	2	Đạt		
39	Tạ Thị Thu Hà	25T300277	K11LQTX1HN	Trường Cao đẳng FPT Polytechnic										39	
					Chính trị		4	4	9,3	Triết học Mác - Lênin	TXMLNP0221	3	9,3		
					Pháp luật		2	2	7,3	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	7,3		
					Tiếng Anh 1.1		3	3	9,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,2		
					Tiếng Anh 1.2		3	3	7,8	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,8		
					Tiếng Anh 2.1		3	3	7,2	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,2		
					Tin học		3	3	9,1	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất		2	2	Đạt	Cờ vua	TXGDT0921	2	Đạt		
					Marketing căn bản		3	3	7,5	Marketing căn bản	TXBMKT0111	3	7,5		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐVHT	Số TC								
					Nhập môn logistics		3	3	7,6	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	TXBLOG3011	3	7,6		
					Khởi sự doanh nghiệp		3	3	9,1	Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2	9,1		
					Quản trị chuỗi cung ứng		3	3	8,4	Quản trị chuỗi cung ứng	TXBLOG2011	3	8,4		
					Quản trị mua sắm		3	3	8,1	Mua và quản trị nguồn cung	TXBLOG3041	3	8,1		
					E-logistics		3	3	7,6	Logistics trong thương mại điện tử*	TXBLOG3221	3	7,6		
					Quản trị kho hàng		3	3	7,6	Quản lý kho và trung tâm phân phối*	TXBLOG3121	3	7,6		
					Nghiệp vụ thương mại quốc tế		3	3	7,8	Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	TXITOM0511	3	7,8		
40	Trần Lê Quang Huy	25T300287	K11LQTX1HN	Trường Đại học Thăng Long										15	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	8,5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	8,5		
					Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học		3	3	5,5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TXRLCP1211	2	5,5		
					Pháp luật đại cương		2	2	5,4	Pháp luật đại cương	TXTLAW0111	2	5,4		
					Tiếng Anh trung cấp 1		2	2	6,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,0		
					Tiếng Anh trung cấp 2		2	2	6,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,0		
					Tiếng Anh trung cấp 3		2	2	6,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,0		
					Nguyên lý kế toán		3	3	6,1	Nguyên lý kế toán	TXFACC0111	3	6,1		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÀO TẠO TỪ XA KHOÁ 11 ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ
NGÀNH: LUẬT KINH TẾ

(Kèm theo Quyết định số 1765/QĐ-ĐHTM ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyet CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
1	Đoàn Thị Thêm	25T200209	K11PTX1HN	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội										20	
					Triết học	6		>3	5,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,0		
					Chủ nghĩa CSKH	4		3	5,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	5,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	8,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	8,0		
					Kinh tế chính trị	5		4	6,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	6,0		
					Lịch sử Đảng	5		4	6,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,0		
					Anh văn học kỳ 1	5		4	7,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,0		
					Anh văn học kỳ 2	4		3	5,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,0		
					Anh văn học kỳ 3	3		2	5,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,0		
					Tin học đại cương	5		4	5,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
2	Nguyễn Thị Huyền Trang	25T200213	K11PTX1HN	Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên										20	
					Triết học Mác – Lênin	6		>3	8,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	4		3	7,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	7,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	8,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	8,0		
					Kinh tế chính trị	5		4	7,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	7,0		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4		3	7,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,0		
					Ngoại ngữ 1	6		>2	6,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,0		Có xác nhận học Tiếng Anh
					Ngoại ngữ 2	6		>2	5,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,0		Có xác nhận học Tiếng Anh
					Ngoại ngữ 3	4		3	5,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,0		Có xác nhận học Tiếng Anh
					Tin học	4		3	8,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
3	Hà Sơn Tùng	25T200217	K11PTX1HN	Trường Đại học Đà Lạt										43	
					Triết học Mác – Lênin (HP1)		3	3	7,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		4	4	7,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	7,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		3	3	7,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,0		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1 (QTNL)		4	4	5,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	5,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		4	4	7,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM0131	2	7,0		
					Tiếng Anh B2		5	5	5,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,0		
					Tiếng Anh B3		5	5	5,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,0		
					Tiếng Anh B4		5	5	5,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,0		
					Tin học cơ sở		4	4	5,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	6,0	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	6,0		
					Kinh tế vi mô		4	4	6,0	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	6,0		
					Kinh tế vĩ mô		4	4	6,0	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	6,0		
					Quản trị nhân lực		4	4	6,0	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	6,0		
					Thương mại điện tử		3	3	9,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9,0		
					Lý thuyết tài chính tiền tệ		3	3	6,0	Nhập môn tài chính – tiền tệ	TXEFIN2811	3	6,0		
					Luật kinh tế		3	3	5,0	Luật kinh tế 1*	TXPLAW0521	3	5,0		
					Kiểm toán		3	3	6,0	Kiểm toán căn bản	TXFAUD0411	3	6,0		
4	Nguyễn Thị Thu Trang	25T200214	K11PTX1HN	Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp										27	
					Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2		3	3	B	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	B+		
					Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1		2	2	B+	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	B+		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	C	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM01011	2	C		
					Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	B+	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM010131	2	B+		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	B+	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	B+		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	A	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	A		
					Tiếng Anh cơ bản 3		3	3	B	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	B		
					Nhập môn tin học		3	3	D+	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Quản trị học		3	3	C	Quản trị học	TXBMGM0111	3	C		
					Quản trị nhân lực		3	3	B	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	B		
					Tài chính – tiền tệ		3	3	C	Nhập môn tài chính – tiền tệ	TXEFIN2811	3	C		
5	Nguyễn Thị Kim Ngân	25T200194	K11PTX1HN	Học Viện Tài Chính										29	
					Triết học Mác – Lênin		3	3	9,2	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9,2		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	8,7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM010121	2	8,7		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	8,8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM010111	2	8,8		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	8,1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	8,1		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	7,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM010131	2	7,5		
					Tiếng Anh cơ bản 1		3	3	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
					Tiếng Anh cơ bản 2		4	4	8,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,2		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tiếng Anh chyeen ngành 1		3	3	7,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,4		
					Tin học đại cương		3	3	8,2	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế vi mô 1		3	3	8,5	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	8,5		
					Kinh tế vĩ mô 1		3	3	9,5	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	9,5		
					Tài chính tiền tệ		4	4	8,5	Nhập môn tài chính – tiền tệ	TXEFIN2811	3	8,5		
6	Lê Trần Phương Ngân	25T200193	K11PTX1HN	Trường Đại học Thương Mại										31	
					Triết học Mác – Lênin		3	3	6,9	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,9		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	6,4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	6,4		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	7,0		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	8.3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	8.3		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	8.2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	8.2		
					Tiếng Anh 1		2	2	10,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	10,0		
					Tiếng Anh 2		2	2	10,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	10,0		
					Tiếng Anh 3		2	2	10,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	10,0		
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	6.6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	6.6		
					Kinh tế vi mô 1		3	3	7.5	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	7.5		
					Kinh tế vĩ mô 1		3	3	8.1	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	8.1		
					Quản trị học		3	3	7,3	Quản trị học	TXBMGM0111	3	7,3		
					Thương mại điện tử căn bản		3	3	9.5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	9.5		
7	Nguyễn Đức Quang Linh	25T200186	K11PTX1HN	Trường Đại học Mô- Địa Chất										35	
					Triết học Mác – Lênin		3	3	B	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	B		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	C	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	C		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	B	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	B		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	B	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	B		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	B	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	B		
					Tiếng Anh 1		3	3	A+	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	A+		
					Tiếng Anh 2		3	3	A	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	A		
					Tiếng Anh 3		2	2	A	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	A		
					Kinh tế vi mô 1		3	3	B+	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	B+		
					Kinh tế vĩ mô 1		3	3	A+	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	A+		
					Quản trị học		3	3	B+	Quản trị học	TXBMGM0111	3	B+		
					Quản trị thương mại điện tử căn bản		3	3	B	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	B		
					Thống kê kinh tế doanh nghiệp		3	3	B	Thống kê kinh doanh	TXANST1211	3	B		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Thanh toán điện tử		3	3	B	Thanh toán điện tử	TXPCOM0411	3	B		
8	Trương Quang Phúc	25T200198	K11PTX1HN	Trường Đại học Kinh Tế - Kỹ Thuật Công Nghiệp										17	
					Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lenin 2		3	3	B+	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	B		Tính điểm TB 2 HP
					Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lenin 1		2	2	C+	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	B		
					Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	B+	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	B+		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	D	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	D		
					Anh văn 2		3	3	A	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	A		
					Anh văn 3		3	3	B+	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	B+		
					Anh văn 4		3	3	B	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	B		
					Logic học		2	2	C	Logic học	TXMLNP0911	2	C		
9	Trần Quỳnh Trang	25T200215	K11PTX1HN	Trường Đại học Điện lực										22	
					Triết học Mác – Lênin		3	3	7,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	7,2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	7,2		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	5,4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	5,4		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	7,3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	7,3		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	7,8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,8		
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	7,6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	7,6		
					Kinh tế vi mô 1		3	3	7,2	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	7,2		
					Quản trị học		3	3	6,6	Quản trị học	TXBMGM0111	3	6,6		
					Quản trị nhân lực		3	3	8,1	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	8,1		
10	Nguyễn Văn Hợp	25T200179	K11PTX1HN	Trường Đại học Hải Phòng										27	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2	5		4	9,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	9		Tính điểm TB 2 HP
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1	3		2	9,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	9		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	8,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	8,0		
					Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	4		3	7,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,0		
					Tiếng anh cơ sở 1	5		4	8,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,0		
					Tiếng anh cơ sở 2	5		4	9,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,0		
					Tiếng anh cơ sở 3	5		4	9,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,0		
					Tin học đại cương	4		3	6,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế vi mô 1	4		3	8,0	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	8,0		
					Kinh tế vĩ mô 1	4		3	6,0	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	6,0		
					Luật trong kinh doanh quốc tế	4		3	8,0	Luật thương mại quốc tế	TXPLAW3111	3	8,0		
11	Thái Quỳnh Chi	25T200166	K11PTX1HN	Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội										32	

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Triết học Mác – Lênin		3	3	5,4	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,4		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	7,3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	7,3		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	7,6		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	6,3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	6,3		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	8,1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	8,1		
					Tiếng Anh 1		4	4	7,9	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,9		
					Tiếng Anh 2		4	4	6,5	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,5		
					Tiếng Anh 3		4	4	4,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	4,5		
					Tin học 1		2	2	6,8	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			Tính 2 HP
					Tin học 2		2	2	6,8						
					Kinh tế vi mô		3	3	8,3	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	8,3		
					Kinh tế vĩ mô		3	3	5,7	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	5,7		
					Quản trị học		3	3	6,4	Quản trị học	TXBMGM0111	3	6,4		
					Quản trị nguồn nhân lực		3	3	4,7	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	4,7		
12	Nguyễn Thị Tuyết Mai	25T200190	K11PTX1HN	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng										17	
					Triết học Mác – Lênin	6		>3	5,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	4		3	8,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	8,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	6,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	6,0		
					Kinh tế chính trị	5		4	6,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	6,0		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4		3	6,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	6,0		
					Anh văn 1	4		3	9,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,0		
					Anh văn 2	4		3	9,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,0		
					Anh văn 3	4		3	10,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	10,0		
13	Nguyễn Thị Mai Phương	25T200199	K11PTX1HN	Trường Đại học Hà Nội										17	
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 2		3	3	6,2	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,5		Tính điểm TB 2 HP
					Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin 1		2	2	6,9	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	6,5		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	5,8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	5,8		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	6,1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	6,1		
					Ngoại ngữ 2 - tiếng anh A1		3	3	9,8	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,8		
					Ngoại ngữ 2 - tiếng anh A2		4	4	9,2	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	9,2		
										Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	9,2		
					Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học		2	2	7,4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	7,4		
14	Vũ Phương Thảo	25T200208	K11PTX1HN	Trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội										27	

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CBT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2		3	3	6,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,2	Tinh điểm TB 2 Hp	
					Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1		2	2	4,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	5,2		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,5		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam		3	3	8,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	8,0		
					Tiếng Anh 1		3	3	4,5	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	4,5		
					Tiếng Anh 2		3	3	4,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	4,3		
					Tiếng Anh 3		2	2	4,8	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	4,8		
					Kinh tế vi mô		3	3	6,6	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	6,6		
					Kinh tế vĩ mô		3	3	6,9	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	6,9		
					Quản trị học		3	3	7,3	Quản trị học	TXBMGM0111	3	7,3		
					Quản trị nguồn nhân lực		3	3	8,5	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	8,5		
15	Phạm Thu Phương	25T200201	K11PTX1HN	Trường Đại học Lao động - Xã hội										28	
					Triết học Mác – Lênin		3	3	C+	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	C+		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	C	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	C		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	C	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	C		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	B	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	B		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	B+	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	B+		
					Tiếng Anh cơ bản 1		2	2	D+	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	D+		
					Tiếng Anh cơ bản 2		3	3	C	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	C		
					Tiếng anh chuyên ngành bảo hiểm		3	3	B+	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	B+		
					Tin học cơ bản 1		2	2	D+	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			Tinh 2 HP
					Tin học cơ bản 2		2	2	C						
					Kinh tế vi mô		3	3	D	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	D		
					Kinh tế vĩ mô		3	3	C	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	C		
					Quản trị rủi ro		2	2	C+	Quản trị rủi ro	TXBMGM0411	2	C+		
16	Đậu Đức Hạnh	25T200174	K11PTX1HN	Trường Đại học Công Nghiệp Việt Trì										18	
					Những NLCN của CN Mác - Lê Nin 2		3	3	B	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	C		Tinh điểm TB 2 HP
					Những NLCN của CN Mác - Lê Nin 1		2	2	D	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	C		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	B	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	B		
					Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam		3	3	A	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	A		
					Tiếng Anh 1		2	2	D	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	D		
					Tiếng anh 2		3	3	C	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	C		
					Tiếng anh chuyên ngành		2	2	D	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	D		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tin học đại cương		3	3	D	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
17	Cao Thị Hương	25T200181	K11PTX1HN	Trường Đại học Đại Nam										19	
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	7,5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,5		
					Những NLBCBN Mác - Lênin (KTCT)	3		2	5,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	5,0		
					Tiếng Anh P1	7		>2	9,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	9,0		
					Tiếng Anh P2	5		4	7,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Tiếng Anh P3	3		2	6,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,5		
					Tin học cơ sở	4		3	7,0	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế vi mô	4		3	6,5	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	6,5		
					Kinh tế vĩ mô	4		3	6,0	Kinh tế vĩ mô 1	TXMAEC0111	3	6,0		
18	Đào Quang Vinh	25T200220	K11PTX1HN	Trường Cao đẳng Cơ điện và Thủy lợi										5	
					Giáo dục chính trị	45		2	7,2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	7,2		
					Tiếng Anh chuyên ngành	45		2	7,1	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,1		
					Giáo dục thể chất	30		1	7,0	Giáo dục thể chất chung	TXGDTC1611	1	7,0		
19	Phí Đình Thuận	25T200211	K11PTX1HN	Trường Đại học Nguyễn Trãi										27	
					Triết học Mác – Lênin		3	3	B	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	B		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	B	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	B		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	B	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	B		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	B	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	B		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	B	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	B		
					Tiếng Anh sơ cấp 1.1		3	3	B	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	B		
					Tiếng Anh sơ cấp 2.2		3	3	B	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	B		
					Tiếng Anh sơ cấp 2.3		3	3	B	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	B		
					Tin học ứng dụng		3	3	C	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	C	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	C		
					Kỹ năng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo					Khởi sự kinh doanh	TXCEMG4111	2			
					Quản trị nhân sự		3	3	B	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	B		
20	Đỗ Thị Lan Phương	25T200200	K11PTX1HN	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch										16	
					Nguyên lý của CN Mác - Lê Nin	5		4	8,6	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,6		
					Tiếng Anh	6		>2	7,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,0		
					Tin học đại cương	4		3	6,6	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Giáo dục thể chất	4		3	5,8	Cờ vua	TXGDTC0921	2	5,8		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CDT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Tiếng Anh thương mại 1	5		4	6,5	Tiếng Anh thương mại 1	TXENTI3311	2	6,5		
										Tiếng Anh thương mại 2	TXENTI3411	2	6,5		
21	Nguyễn Thị Thùy Linh	25T200188	K11PTX1HN	Trường Đại học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội										15	
					Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin		5	5	5,6	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,6		
										Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	5,6		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,8		
					Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam		3	3	7,9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,9		
					Tiếng Anh 1		3	3	7,2	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,2		
					Tiếng Anh 2		3	3	7,1	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	7,1		
					Tiếng Anh 3		2	2	7,6	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,6		
22	Nguyễn Văn An	25T200162	K11PTX1HN	Trường Đại học Điện lực										37	
					Triết học Mác – Lênin		3	3	6,7	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,7		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	2	6,9	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	6,9		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	6,3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	6,3		
					Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	2	6,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	6,0		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	2	6,3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,3		
					Tiếng Anh 1		4	4	4,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	4,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	4,0		
					Tiếng Anh 2		3	3	6,4	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	6,4		
					Nhập môn tin học		3	3	7,5	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
					Kinh tế vi mô 1		3	3	5,7	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	5,7		
					Quản trị học		3	3	8,2	Quản trị học	TXBMGM0111	3	8,2		
					Quản lý nhân lực		3	3	8,6	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	8,6		
					Thực hành môn học Thương mại điện tử		4	4	8,0	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	8,0		
					Pháp luật trong kinh doanh TMĐT		2	2	8,7	Luật thương mại điện tử	TXPLAW1411	2	8,7		
					Nguyên lý thống kê kinh tế		3	3	6,7	Nguyên lý quản lý kinh tế	TXTECO2031	3	6,7		
23	Nguyễn Thành Long	25T200189	K11PTX1HN	Trường Đại học Nông Lâm										17	
					Triết học Mác – Lênin	6		>3	8,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	8,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	4		3	7,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCM10121	2	7,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		2	7,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	7,0		
					Kinh tế chính trị	5		4	8,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	8,0		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4		3	7,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	7,0		
					Anh văn HP1	6		>2	6,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,0		

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,0		
					Anh văn HP2	4		3	7,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	7,0		
24	Nguyễn Thành Nhơn	25T200197	K11PTX1HN	Học viện kỹ thuật Quân sự										17	
					Triết học Mác – Lênin	7		>3	6,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	6,0		
					Chủ nghĩa xã hội khoa học	5		4	6,0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	6,0		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh	4		3	6,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	6,0		
					Kinh tế chính trị	5		4	8,0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	8,0		
					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4		3	5,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	5,0		
					Tiếng Anh 1	8		>2	5,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,0		
					Tiếng Anh 2	6		>2	5,0	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,0		
					Tiếng Anh 3	6		>2	5,0	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,0		
25	Phạm Thị Như Quỳnh	25T200203	K11PTX1HN	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng										20	
					Nguyên lý Chủ nghĩa Mác Lênin (P2)		3	3	5,6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TXHCMIO121	2	6,4	Tích điểm TB 2 HP	
					Nguyên lý Chủ nghĩa Mác Lênin (P1)		2	2	7,7	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	6,4		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	7,0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	7,0		
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3	7,3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	7,3		
					Tiếng anh nâng cao		4	4	8,7	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	8,7		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	8,7		
					Biên dịch tiếng Anh		3	3	8,9	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	8,9		
					Phương pháp nghiên cứu khoa học		2	2	8,5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	8,5		
					Công pháp quốc tế		3	3	9,1	Công pháp quốc tế	TXBLAW2711	2	9,1		
					Tư pháp quốc tế		2	2	8,7	Tư pháp quốc tế	TXPLAW3211	2	8,7		
26	Nguyễn Trọng Trung	25T200216	K11PTX1HN	Trường Đại học FPT										20	
					Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin		5	5	5,8	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,8		
										Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	5,8		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	5,9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCMIO111	2	5,9		
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3	6,8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCMIO131	2	6,8		
					Tiếng anh thương mại sơ cấp 1		3	3	5,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,4		
					Tiếng anh thương mại tiền trung cấp 1		3	3	6,6	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,6		
					Tiếng anh giao tiếp trong kinh doanh		3	3	5,5	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	5,5		
					Phương pháp nghiên cứu		3	3	7,0	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TXSCRE0111	2	7,0		
					Nguyên lý quản trị		3	3	7,4	Quản trị học	TXBMGM0111	3	7,4		
27	Lục Văn Hải	25T200172	K11PTX1HN	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội										18	

STT	Họ và tên	Mã SV	Lớp HC	Tên trường đã TN	Học phần đã tích lũy				Học phần được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo từ xa				Tổng TC được duyệt CNK QHT & CĐT C	Ghi chú	
					Tên học phần	Số ĐVHT/ Số TC trong bảng điểm		Quy đổi TC	Điểm	Tên học phần	Mã học phần	Số TC			Điểm
						Số ĐV HT	Số TC								
					Các NLCB của CN Mác Lênin		5	5	5,6	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,6		
										Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	5,6		
					Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2	4,3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TXHCM10111	2	4,3		
					Đường lối CM của CMVN		3	3	5,5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	5,5		
					Tiếng Anh 1		6	6	6,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	6,0		
					Tiếng Anh 2		6	6	5,7	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,7		
					Tiếng Anh 3		6	6	4,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	4,7		
					Nhập môn tin học		3	3	5,3	Tin học quản lý	TXINFO0311	3			
28	Lê Thu Thảo	25T200205	K11PTX1HN	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội										17	
					Các NLCB của CN Mác Lênin		5	5	7,9	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	7,9		
										Kinh tế chính trị Mác – Lênin	TXRLCP1211	2	7,9		
					Tiếng Anh 1		6	6	7,4	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	7,4		
					Tiếng Anh 2		6	6	6,3	Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	6,3		
					Tiếng Anh 3		6	6	4,7	Tiếng Anh 3	TXENTH1611	2	4,7		
					Kinh tế vi mô		3	3	7,7	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	7,7		
					Luật kinh tế		3	3	6,7	Luật kinh tế 1*	TXPLAW0521	3	6,7		
29	Mai Văn Quy	25T200202	K11PTX1HN	Trường Cao đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thương Mại										12	
					Các NLCB của CN Mác Lênin	4		3	5,0	Triết học Mác – Lênin	TXMLNP0221	3	5,0		
					Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3		2	6,0	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TXHCM10131	2	6,0		
					Anh văn chuyên ngành	5		4	5,0	Tiếng Anh 1	TXENTH1411	2	5,0		
										Tiếng Anh 2	TXENTH1511	2	5,0		
					Kinh tế vi mô	4		3	6,0	Kinh tế vi mô 1	TXMIEC0111	3	6,0		

KT. HIỆU TRƯỞNG 
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG


 GS, TS Nguyễn Hoàng Việt